

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

GIÁO TRÌNH  
**KIỂM TOÁN**

TS. PHÙNG THANH THỦY

---

TS. PHÙNG THANH THỦY

Năm 2006

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

## CHƯƠNG I

### GIỚI THIỆU VỀ KIỂM TOÁN

#### 1. KIỂM TOÁN LÀ GÌ?

Kiểm tra tính trung thực và hợp lý của các loại số liệu tài chính – kế toán

Xác nhận sự hiện hữu của các số liệu trên các báo cáo tài chính – kế toán

Nêu ý kiến một cách độc lập và khách quan về độ tin cậy của số liệu, báo cáo kế toán tài chính

Kiểm toán là gì?

- Đối tượng: Số liệu – báo cáo tài chính, kế toán
- Nhiệm vụ: Kiểm tra, rà soát, xác nhận
- Mục đích cuối: Nêu ý kiến về độ tin cậy của số liệu

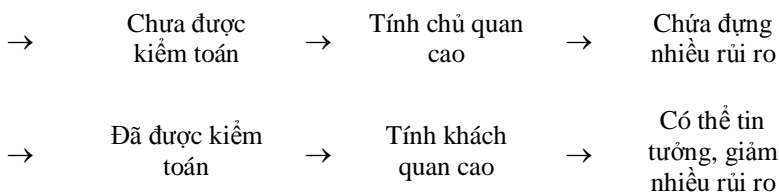
#### 2. NHU CẦU KIỂM TOÁN

Các nhà đầu tư chủ DN

Ngân hàng, các quỹ tín dụng cho vay

Các cơ quan quản lý nhà nước

Báo cáo tài chính  
Thông tin tài chính do DN cung cấp



#### 3. TÍNH ĐỘC LẬP

Là nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nhằm đảm bảo kết quả kiểm toán

- Trung thực

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Khách quan

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN HÀNH NGHỀ

Kiểm toán viên hành nghề tại Việt Nam là người có chứng chỉ Kiểm Toán Viên do bộ Tài Chính cấp và đăng ký hành nghề kiểm toán tại Doanh Nghiệp kiểm toán độc lập hoặc Kiểm Toán Nhà nước

Điều kiện hành nghề kiểm toán

- Có chứng chỉ kiểm toán viên
- Làm việc cho một Doanh nghiệp có chức năng kiểm toán

Kiểm toán hành nghề bị nghiêm cấm tham gia

- Mua bất kỳ loại cổ phiếu, trái phiếu hoặc các TS của đơn vị được kiểm toán
- Không được lợi dụng vị trí kế toán viên để thu lợi từ đơn vị được kiểm toán
- Cho thuê, cho mượn chứng chỉ kiểm toán viên
- Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên trong cùng một thời gian
- Tiết lộ thông tin về đơn vị do mình kiểm toán

### 5. ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP KTV

- Độc lập: Thực sự không bị chi phối hoặc tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào
  - Không được nhận làm kiểm toán cho các đơn vị mà mình có góp vốn cổ phần, cho vay hoặc vay vốn từ khách hàng, hoặc có ký kết hợp đồng gia công, mua bán hàng hóa
  - Không được nhận làm kiểm toán ở những đơn vị mà có bố, mẹ, vợ, chồng, con cái, anh chị em ruột là thành viên HĐQT, BGĐ, hoặc trưởng, phó phòng trong đơn vị được kiểm toán
  - Không được vừa làm dịch vụ kế toán vừa làm dịch vụ kiểm toán cho cùng một khách hàng
- Chính trực: Thẳng thắn, trung thực và có chính kiến rõ ràng

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Khách quan: Công bằng, tôn trọng sự thật và không được thành kiến, thiên vị
- Năng lực chuyên môn và tính thận trọng
- Có đủ chứng chỉ – kiến thức chuyên môn
- Biết hoài nghi, biết cân nhắc kỹ lưỡng
- Tính bí mật: Không tiết lộ bất cứ một thông tin nào khi chưa được phép của người có thẩm quyền
- Tư cách nghề nghiệp: Trao dồi và bảo vệ uy tín nghề nghiệp
- Thuần thủ chuẩn mực chuyên môn
  - Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam
  - Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (được Việt Nam chấp nhận)
  - Các quy luật pháp luật hiện hành

### 6. PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN THEO CHỨC NĂNG

#### 6.1. KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Xác nhận tính trung thực hợp lý của báo cáo tài chính:

- Dựa vào các chuẩn mực kế toán, các chế độ kế toán ban hành. Luật thuế hiện hành và các định chế tài chính nội bộ của Doanh nghiệp
- Vì mục đích thuế dựa vào Luật thuế hiện hành và các chuẩn mực kế toán, các chế độ kế toán ban hành

Sự khách nhau của hai cách kiểm toán BCTC

- Xác nhận chỉ tiêu Lãi, Lỗ căn cứ vào các khoản chi phí thực tế phát sinh
- Xác nhận chỉ tiêu Lãi, Lỗ căn cứ vào các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ về phương diện thuế

#### 6.2. KIỂM TOÁN TUÂN THỦ

- Kiểm tra tính tuân thủ của số liệu, báo cáo kế toán tài chính theo:
  - Những luật định hoặc chuẩn mực ban hành hoặc các chính sách
  - Quy định của đơn vị, tổ chức được kiểm toán. Ví dụ:
- Kiểm toán việc chấp hành các quy định về cho vay

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Kiểm toán thực hiện các quy định trong XDCB (bao gồm cả định mức chi phí)
- Kiểm toán việc thực hiện chế độ tiền lương của DN

### 6.3. KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG

Kiểm tra đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả trong hoạt động theo những tiêu chí cụ thể được lựa chọn, thỏa thuận. Ví dụ:

- Kiểm toán hoạt động nghiệp vụ ngân hàng từng thời kỳ, từng lĩnh vực để đánh giá chính xác kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính
- Kiểm toán về đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống kế toán
- Kiểm toán để đánh giá tính kinh tế hiệu quả của dự án đầu tư xây dựng mới nhà máy

### 6.4. SO SÁNH BA NHÓM KIỂM TOÁN

	Kiểm toán BCTC	Kiểm toán tuân thủ	Kiểm toán hoạt động
Hình thức	Tương tự	Đa dạng	Đa dạng
Mục tiêu	Tương tự	Đa dạng	Đa dạng
Luật định áp dụng	Tương tự	Tương tự	Linh hoạt
Tính chủ quan	Thấp	Thấp	Cao

## 7. PHÂN LOẠI KIỂM TOÁN THEO CHỦ THỂ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

### 7.1. KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Là một bộ phận trong hệ thống kiểm soát nội bộ của một đơn vị nhằm kiểm tra, đánh giá:

- Tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ
- Chất lượng, độ tin cậy của thông tin kinh tế, tài chính của báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị
- Tính kinh tế, tính hiệu lực và hiệu quả của các hoạt động kinh tế, tài chính kể cả hoạt động phi tài chính của đơn vị

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Tính tuân thủ pháp luật, các qui định và yêu cầu từ bên ngoài và chính sách quản lý nội bộ của đơn vị

### 7.2. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Doanh nghiệp được thành lập theo luật DN và các qui định pháp luật do CP ban hành liên quan về kiểm toán độc lập

- Kiểm toán báo cáo tài chính
- Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế
- Kiểm toán hoạt động
- Kiểm toán tuân thủ
- Kiểm toán nội bộ
- Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án
- Kiểm toán thông tin tài chính
- Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước

### 7.3. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng kiểm toán, xác nhận tính đúng đắn, hợp pháp của:

1. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước
  2. Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính của các cơ quan, đơn vị tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước
  3. Kiểm toán tính tuân thủ pháp luật, tính kinh tế trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công
  4. Các nhiệm vụ kiểm toán đột xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao
- ⇒ Phạm vi: DV, DN có sử dụng vốn NS

Thực chất là kiểm toán độc lập đặc biệt

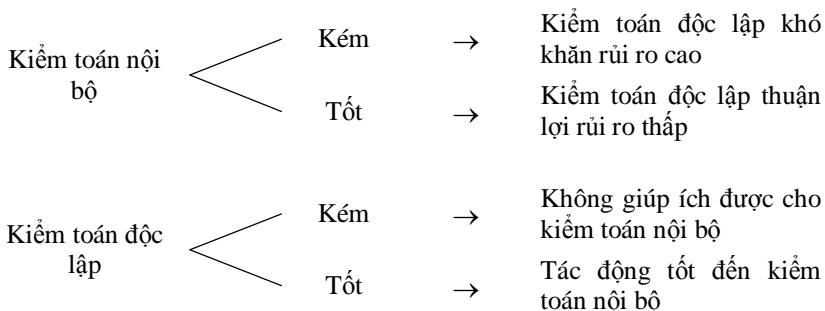
### 7.4. SO SÁNH BA CHỦ THỂ KIỂM TOÁN

	Kiểm toán nội bộ	Kiểm toán độc lập	K.toán Nhà nước
--	------------------	-------------------	-----------------

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Sự hình thành	Trong đơn vị được kiểm toán	Ngoài đơn vị được kiểm toán	Ngoài đơn vị được kiểm toán
Tính độc lập - khách quan	Thấp	Cao	Cao
Hiệu ứng kiểm soát	Cao – Kịp thời	Thấp – chậm	Thấp – chậm

### 7.5. MỐI QUAN HỆ GIỮA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ



### 8. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Tư nhân
- Hợp danh vô hạn
- Hợp danh TNHH
- Cổ phần
- TNHH (bao gồm 1 thành viên)

Ưu thế của hình thức hợp danh trách nhiệm hữu hạn

- Thể hiện tính nghề nghiệp chuyên nghiệp cao vì thành viên hợp danh phải là cá nhân, có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp
- Trách nhiệm vật chất của một thành viên hợp danh được xác định rõ ràng
- DN cần kiểm toán có thể nhận dạng được rõ ràng khả năng bồi thường vật chất của DN hợp danh

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sự phát triển quy mô DN không bị giới hạn bởi khu vực hoạt động và số lượng thành viên hợp danh

### 9. KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

	Kế toán	Kiểm toán
Bản chất	Thu thập, kiểm tra, phân tích và ghi sổ	Thu thập, kiểm tra, phân tích và xác nhận
Nhiệm vụ	Cung cấp thông tin, số liệu, báo cáo tài chính kế toán	Xác nhận định về tính chính xác, trung thực của số liệu
Chuẩn mực áp dụng	Chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán tài chính	Chuẩn mực kiểm toán, CM kế toán, các chế độ kế toán tài chính
yêu cầu	Phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, dễ hiểu, chính xác, trung thực	Nêu ý kiến độc lập, trung thực, chính trực, khách quan

### 10. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VIỆT NAM HIỆN NAY

Tại 31 – 12 – 2004 có 78 công ty kiểm toán độ clập, trong đó:

- 1 Công ty TNHH Một Thành Viên (VACO)
- 3 Công ty là DNNN
- 1 Công ty LD (năm 2005 đang làm thủ tục giải thể)
- 4 Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài
- 50 Công ty TNHH
- 14 Công ty CP
- 5 Công ty hợp danh (vô hạn)

Công ty là thành viên của các hãng kiểm toán quốc tế

Tên công ty	Hãng kiểm toán quốc tế
Cty kiểm toán Việt Nam TNHH (VACO)	Deloitte Touche Tohmatsu
Cty TNHH kiểm toán và dịch vụ tư vấn tài chính kế toán Thủy Chung	

### CÂU HỎI CHƯƠNG I



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Kiểm toán, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước là gì?
- Tại sao tính độc lập được coi trọng trong kiểm toán?
- Có bao nhiêu loại kiểm toán phổ biến? Sự khác nhau giữa chúng
- Có bao nhiêu dạng chủ thể, tổ chức kiểm toán?
- Nêu các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp đối với kiểm toán viên hành nghề
- Sự giống và khác nhau giữa kiểm toán và kế toán

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

CHƯƠNG 2

**NHỮNG KHÁI NIỆM CHÍNH  
TRONG KIỂM TOÁN**

- Tính trọng yếu
- Rủi ro kiểm toán
- Gian lận và sai sót
- Bằng chứng kiểm toán
- Lấy mẫu kiểm toán
- Báo cáo kiểm toán
- Tính hoạt động liên tục

1. TÍNH TRỌNG YẾU

1.1. KHÁI NIỆM

- Trọng yếu là khái niệm về độ lớn, bản chất của sai phạm mà trong bối cảnh cụ thể nếu không dựa vào các thông tin này để xét đoán thì sẽ không chính xác hoặc sẽ rút ra kết luận sai lầm.
- Trọng yếu không kiểm toán là thuật ngữ dùng để thể hiện tầm quan trọng của một thông tin hoặc một số liệu kế toán trong báo cáo tài chính. Trọng yếu  $\Rightarrow$  Quan trọng
- Thông tin được coi là trọng yếu có nghĩa là nếu thiếu thông tin đó hay thiếu chính xác của thông tin đó sẽ ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng BCTC.
- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các sự kiện / bằng chứng... được coi là trọng yếu khi chúng có ảnh hưởng quan trọng đến các đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán.
- Từ trọng yếu dùng trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính có nghĩa là ý kiến của kiểm toán viên đưa ra trên báo cáo kiểm toán có một sự đảm bảo chắc chắn rằng BTCT đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu; nhưng không đảm bảo tuyệt đối rằng không có bất kỳ một sai sót nào trên BTTC đã được kiểm toán.

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

## 1.2. XÁC ĐỊNH TÍNH TRỌNG YẾU

- Tính trọng yếu được KTV xem xét khi:
  - Xác định nội dung, thời gian và thủ tục kiểm toán/các lựa chọn, ước đoán trong kiểm toán.
  - Xác định mức độ trung thực hợp lý của các thông tin trong báo cáo được kiểm toán.
- Trong thực hiện kiểm toán, xem xét trọng yếu ít nhất 2 lần:
  - Khi lên kế hoạch kiểm toán.
  - Khi các thủ tục kiểm toán đã hoàn tất về cơ bản.

⇒ Có thể phát hiện các nhân tố mới liên quan đến tính trọng yếu.

Tính trọng yếu của thông tin phải xem xét từ 2 tiêu chuẩn:

- Định hướng: tỉ lệ tăng giảm Dthu, Lợi nhuận, Cphí, Tổng TS.
- Định tính:
  - Thực hiện hoàn trả các khoản vay – nợ
  - Các tác nhân liên quan tới chỉ tiêu lãi lỗ
  - Các nghiệp vụ bất thường liên quan đến tuân thủ pháp luật
  - Các biểu hiện che giấu sự thất bại trong KD
  - Sử dụng các công cụ đo lường không chính xác
  - Sự xuất hiện các khoản bồi thường.

## 1.3. HẠN CHẾ CỦA VIỆC XÉT ĐOÁN TÍNH TRỌNG YẾU

- Trọng yếu là một khái niệm tương đối
- Xét đoán tính trọng yếu mang tính nghề nghiệp của KTV
- Xác định tính trọng yếu mang tính linh hoạt cao
- Phụ thuộc nhiều vào năng lực chuyên môn, vào sự hiểu biết DN của KTV.

⇒ Các Cty kiểm toán thường đề ra những nguyên tắc xác định – xét đoán mức độ trọng yếu cho các kiểm toán viên của mình.

## 2. RỦI RO KIỂM TOÁN

### 2.1. CÁC KHÁI NIỆM

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 2.1.1. Khái niệm

Là rủi ro do kiểm toán viên và Công ty kiểm toán đưa ra ý kiến nhận xét không thích hợp khi báo cáo đã được kiểm toán còn có những sai sót trọng yếu. Rủi ro kiểm toán gồm:

- Rủi ro tiềm năng: Là rủi ro tiềm ẩn, vốn có do khả năng từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo được kiểm toán chứa đựng sai sót trọng yếu khi tính riêng rẽ hoặc tính gộp, mặc dù có hay không có hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Rủi ro kiểm soát: Là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo được kiểm toán khi hệ thống kiểm soát nội bộ không ngăn ngừa hết hoặc không phát hiện và sửa chữa kịp thời.
- Rủi ro phát hiện: là rủi ro xảy ra sai sót trọng yếu trong từng nghiệp vụ, từng khoản mục trong báo cáo được kiểm soát khi trong quá trình kiểm toán, kiểm toán viên và Công ty kiểm toán trong phát hiện được, gồm :
  - Rủi ro phân tích/rủi ro kinh doanh: Là rủi ro liên quan đến sự sống còn và khả năng sinh lợi của Công ty. Ví dụ Công ty sẽ không có khả năng thanh toán tiền lãi và hoàn trả vốn vay vì những điều kiện kinh tế hoặc những quyết định sai lầm về quản lý.
  - Rủi ro thất sự/rủi ro thông tin: Là rủi ro gặp phải khi sử dụng thông tin không chính xác để đánh giá rủi ro kinh doanh. Rủi ro thông tin bao gồm cả trường hợp các báo cáo tài chính có thể sai lệch nghiêm trọng so với chế độ kế toán được chấp nhận.

### 2.1.1. Đánh giá rủi ro kiểm toán

Là việc kiểm toán viên và Công ty kiểm toán xác định mức độ rủi ro kế toán có thể xảy ra là cao hay thấp, bao gồm đánh giá rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát và rủi ro phát hiện.

Rủi ro kiểm toán = Rủi ro tiềm tàng x rủi ro kiểm soát x Rủi ro phát hiện.

## 2.2. ĐÁNH GIÁ RỦI RO TIỀM TÀNG

Kiểm toán viên phải dựa vào việc xét đoán chuyên môn của mình để đánh giá rủi ro tiềm tàng trên những nhân tố chủ yếu sau:

- Trên phương diện báo cáo tài chính kế toán.
- Trên phương diện số dư tài khoản và loại nghiệp vụ

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Trên phương diện khảo sát hiểu biết về đơn vị được kiểm toán.
- Trên phương diện khảo sát thủ tục kiểm soát.

VD: KTT ít kinh nghiệm  $\Rightarrow$  R cao, không trung thực  $\Rightarrow$  cao, áp lực công việc  $\Rightarrow$  cao, quy định về địa chỉ, nhập xuất lỏng lẻo  $\Rightarrow$  cao

### 2.2.1. Trên phương diện báo cáo tài chính

- Sự liêm khiết, kinh nghiệm và hiểu biết của Ban Giám đốc
- Trình độ và kinh nghiệm chuyên môn của KTT, của KTV nội bộ
- Những áp lực bất thường thúc đẩy BGĐ, KTT phải trình bày báo cáo tài chính không trung thực (đầu thầu, huy động vốn...)
- Đặc điểm hoạt động của đơn vị (Quy trình công nghệ, cơ cấu vốn, các đơn vị phụ thuộc, phạm vi địa lý, hoạt động theo mùa vụ...)
- Các nhân tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị (các biến động về kinh tế, về cạnh tranh, sự thay đổi về thị trường mua, thị trường bán và sự thay đổi của hệ thống kế toán đối với lĩnh vực hoạt động đơn vị).

### 2.2.1. Trên phương diện số dư tài khoản và loại nghiệp vụ

- Báo cáo tài chính có thể chứa đựng những sai sót (Báo cáo tài chính có những điều chỉnh liên quan đến niên độ trước, báo cáo tài chính có nhiều ước tính kế toán, hoặc trong năm tài chính có sự thay đổi chính sách kế toán)
- Việc xác định số dư và số phát sinh của các tài khoản và nghiệp vụ kinh tế (số dư các tài khoản dự phòng, nghiệp vụ kinh tế đối với chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ tính vào chi phí hay tính tăng nguyên giá TSCĐ...)
- Mức độ dễ bị mất mát, biến thủ tài sản (phát sinh nhiều nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, tạm ứng tiền với số lượng lớn, thời gian thanh toán dài...)
- Mức độ phức tạp các nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng đòi hỏi phải có ý kiến của chuyên gia (xảy ra kiện tụng hoặc trộm cắp...)
- Việc ghi chép các nghiệp vụ bất thường và phức tạp, đặc biệt là gần thời điểm kết thúc niên độ;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính bất thường khác.

2.2.1. Trên phương diện khảo sát hiểu biết về đơn vị được kiểm toán  
KTV phải khảo sát để có hiểu biết về DN trên 3 khía cạnh:

- Môi trường kiểm soát: Để đánh giá môi trường kiểm soát cần dựa vào các yếu tố:
  - Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng của đơn vị;
  - Tư duy quản lý, phong cách điều hành của thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc;
  - Cơ cấu tổ chức và quyền hạn, trách nhiệm của các bộ phận trong cơ cấu đó;
  - Hệ thống kiểm soát của Ban quản lý gồm tất cả các bộ phận quản lý, kiểm soát, chức năng của kiểm toán nội bộ, chính sách và thủ tục liên quan đến nhân sự và sự phân định trách nhiệm;
  - Ảnh hưởng từ bên ngoài đơn vị như chính sách của Nhà nước, chỉ đạo của cấp trên hoặc cơ quan quản lý chuyên môn;
- Hệ thống kế toán: Để hiểu biết về hệ thống kế toán và việc thực hiện công việc kế toán của đơn vị được kiểm toán, cần kiểm soát các khía cạnh sau:
  - Các loại nghiệp vụ kinh tế chủ yếu;
  - Nguồn gốc các loại nghiệp vụ kinh tế chủ yếu;
  - Tổ chức bộ máy kế toán;
  - Tổ chức công việc kế toán, gồm: Hệ thống chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán và hệ thống báo cáo tài chính;
  - Quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu và các sự kiện từ khi phát sinh đến khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Các thủ tục kiểm soát nội bộ: Để hiểu các thủ tục kiểm soát của đ/v được kiểm toán, cần chú ý các qui trình sau :
  - Lập, kiểm tra và phê duyệt các tài liệu chứng từ tại đơn vị;
  - Kiểm tra tính chính xác của các số liệu tính toán;
  - Kiểm tra chương trình ứng dụng và môi trường tin học;
  - Kiểm tra số liệu giữa sổ kế toán tổng hợp và sổ chi tiết;
  - Kiểm tra và phê duyệt các chứng từ/tài liệu kế toán;
  - Đối chiếu số liệu nội bộ với bên ngoài;
  - So sánh kết quả kiểm kê thực tế với sổ kế toán;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Giới hạn về người được tiếp cận trực tiếp với các tài sản và tài liệu kế toán;
- Phân tích, so sánh giữa số liệu thực tế với dự toán, kế hoạch.

### 2.3. ĐÁNH GIÁ RỦI RO KIỂM SOÁT

#### 2.3.1. Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát

Rủi ro kiểm soát thường ở mức độ cao trong trường hợp:

- Hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không đầy đủ;
- Hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ không hiệu quả;
- Kiểm toán viên không được cung cấp đầy đủ cơ sở để đánh giá sự đầy đủ và hiệu quả của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng.

#### 2.3.1. Thử nghiệm kiểm soát

Là việc kiểm tra để thu nhập bằng chứng kế toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ

Thử nghiệm kiểm soát bao gồm:

- Kiểm tra chứng từ của các nghiệp vụ kinh tế và các sự kiện để thu được bằng chứng kiểm toán về hoạt động hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ
- Phỏng vấn, quan sát thực tế việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát của những người thực thi công việc kiểm soát nội bộ;
- Kiểm tra lại việc thực hiện thủ tục kiểm soát nội bộ, ví dụ kiểm tra lại bảng sao kê ngân hàng; xem xét lại biên bản kiểm kê quỹ, kiểm kê hàng tồn kho v.v....

#### 2.3.1. Đánh giá cuối cùng về rủi ro kiểm soát

Trước khi rút ra kết luận kiểm toán, kiểm toán viên phải dựa vào kết quả các thử nghiệm cơ bản và những bằng chứng kiểm toán khác để khẳng định lại quá trình đánh giá của mình về rủi ro kiểm soát.

### 2.4. ĐÁNH GIÁ RỦI RO PHÁT HIỆN

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Mức độ rủi ro phát hiện có liên quan trực tiếp đến thử nghiệm cơ bản của kiểm toán viên.
- Thử nghiệm cơ bản (kiểm tra cơ bản): Là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến báo cáo được kiểm toán nhằm phát hiện ra những sai sót trọng yếu. “Thử nghiệm cơ bản” gồm :
  - Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và sổ dự;
  - Thực hiện Quy trình phân tích liên quan.
- Khi rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá là cao thì rủi ro phát hiện có thể được đánh giá ở mức độ thấp và ngược lại
- Rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá càng cao thì kiểm toán viên càng phải thu thập nhiều bằng chứng kiểm toán từ các thử nghiệm cơ bản

### 2.5. QUAN HỆ GIỮA RỦI RO VÀ TRỌNG YẾU

Mức trọng yếu và rủi ro kiểm toán có mối quan hệ tỷ lệ nghịch với nhau: Trọng yếu được xác định càng chính xác, cụ thể thì rủi ro kiểm toán càng thấp và ngược lại.

⇒ Cần hiểu biết về đối tượng được kiểm toán ⇒ nhận biết những nét đặc biệt ⇒ xác định trọng yếu chính xác, đầy đủ.

### 2.6. BIỆN PHÁP ĐỂ TĂNG KHẢ NĂNG BỒI THƯỜNG VẬT CHẤT CHO RỦI RO KIỂM TOÁN

Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp để tạo nguồn chi trả bồi thường thiệt hại do lỗi của doanh nghiệp gây ra cho khách hàng

## 3. GIAN LẬN VÀ SAI SÓT

### 3.1. KHÁI NIỆM

#### 3.1.1. Gian lận

Là những hành vi cố ý làm sai lệch thông tin kinh tế tài chính do một hay nhiều người trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các nhân viên hoặc bên thứ ba thực hiện, làm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính – kế toán

- Xuyên tạc, làm giả chứng từ, tài liệu liên quan đến báo cáo của DN;



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sửa đổi chứng từ, tài liệu kế toán làm sai lệch báo cáo;
- Biễn thủ tài sản;
- Che dấu hoặc cố ý bỏ sót các thông tin, tài liệu hoặc nghiệp vụ kinh tế làm sai lệch báo cáo;
- Ghi chép các nghiệp vụ kinh tế không đúng sự thật;
- Cố ý áp dụng sai các chuẩn mực, nguyên tắc, phương pháp và chế độ kế toán, chính sách tài chính;
- Cố ý tính toán sai về số học;

### 3.1.2. Sai sót

Là những lỗi không cố ý có ảnh hưởng đến báo cáo được kiểm toán

- Lỗi về tính toán số học hoặc ghi chép sai;
- Bỏ sót hoặc hiểu sai, làm sai các khoản mục, các nghiệp vụ kinh tế;
- Áp dụng sai các chuẩn mực, nguyên tắc, phương pháp và chế độ kế toán, chính sách tài chính nhưng không cố ý;

Ví dụ:

- Đối chiếu Pthu 010 với sổ quỹ/sổ kế toán, Pthu ghi số tiền 1.000.000đ, Hđơn đính kèm là 1.000.000đ; trong sổ quỹ ghi 10.000.000đ  $\Rightarrow$  sai sót
- Đối chiếu Pthu 010 với sổ quỹ/ sổ kế toán, Pthu ghi số tiền 10.000.000đ nhưng có 1 số không mẫu mực. Chứng từ đính kèm gồm Hđơn là 1.000.000đ và phiếu thanh toán không có chữ ký người nhận; trong sổ quỹ ghi 10.000.000đ  $\Rightarrow$  dấu hiệu của gian lận.

### 3.2. ĐÁNH GIÁ RỦI RO VỀ NHỮNG GIAN LẬN – SAI SÓT

Dựa vào các nhân tố có liên quan sau:

- Các vấn đề liên quan đến tính chính trực hoặc năng lực của Ban Giám đốc:
  - Công tác quản lý bị một người (hay một nhóm người) độc quyền nắm giữ, thiếu sự giám sát có hiệu lực của Ban Giám đốc hoặc Hội đồng quản trị;
  - Cơ cấu tổ chức của đơn vị được kiểm toán phức tạp một cách cố ý;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sự bất lực trong việc sửa chữa những yếu tố kém của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ trong khi những yếu kém này hoàn toàn có thể khắc phục được;
  - Thay đổi thường xuyên kế toán trưởng hoặc người có trách nhiệm của bộ phận kế toán và tài chính;
  - Thiếu nhiều nhân viên kế toán trong một thời gian dài;
  - Bố trí người làm kế toán không đúng chuyên môn hoặc người bị pháp luật nghiêm cấm;
  - Thay đổi thường xuyên chuyên gia tư vấn pháp luật hoặc kiểm toán viên.
- Các sức ép bất thường đối với đơn vị:
    - Ngành nghề kinh doanh gặp khó khăn;
    - Thiếu vốn kinh doanh do lỗ, hoặc do mở rộng quy mô doanh nghiệp quá nhanh;
    - Mức thu nhập giảm sút;
    - Doanh nghiệp cố ý hạch toán tăng lợi nhuận nhằm khuyến khích hoạt động;
    - Đầu tư quá nhanh vào nghề mới hoặc loại sản phẩm mới làm mất cân đối tài chính;
    - Doanh nghiệp bị lệ thuộc quá nhiều vào một số sản phẩm hoặc một số khách hàng;
    - Sức ép về tài chính từ những nhà đầu tư hoặc các cấp quản lý đơn vị;
    - Sức ép đối với nhân viên kế hoạch phải hoàn tất báo cáo tài chính trong thời gian quá ngắn.
- Các nghiệp vụ và sự kiện không bình thường
    - Các nghiệp vụ đột xuất, đặc biệt xảy ra vào cuối niên độ kế toán có tác động đến doanh thu, chi phí và kết quả;
    - Các nghiệp vụ với các bên hữu quan;
    - Các khoản chi phí quá cao so với những dịch vụ được cung cấp (Ví dụ Phí luật sư, tư vấn hoặc đại lý...)
- Những khó khăn liên quan đến thu nhập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp.
    - Tài liệu kế toán không đầy đủ hoặc không được cung cấp kịp thời (Ví dụ: Không thu thập đủ chứng từ, phát sinh chênh lệch lớn giữa sổ và báo cáo, những nghiệp vụ ghi chép sai hoặc để ngoài sổ kế toán...)

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Lưu trữ tài liệu không đầy đủ về các sự kiện và nghiệp vụ kinh tế (ví dụ: Chứng từ chưa được phê duyệt, thiếu tài liệu hỗ trợ cho những nghiệp vụ lớn hoặc bất thường);
  - Có chênh lệch lớn giữa sổ kế toán của đơn vị với xác nhận của bên thứ ba, mâu thuẫn giữa các bằng chứng kiểm toán, -không giải thích được sự thay đổi của các chỉ số hoạt động;
  - Ban Giám đốc từ chối cung cấp giải trình hoặc giải thích không thỏa mãn yêu cầu của kiểm toán viên.
- Những nhân tố từ môi trường tin học liên quan đến các tình huống
    - Không lấy được thông tin từ máy vi tính;
    - Có thay đổi trong chương trình vi tính nhưng không lưu tài liệu, không được phê duyệt và không kiểm tra;
    - Thông tin, tài liệu in từ máy vi tính không phù hợp với báo cáo tài chính;
    - Các thông tin in ra từ máy vi tính mỗi lần lại khác nhau.

### 3.3. NHỮNG THỦ TỤC CẦN ĐƯỢC TIẾN HÀNH KHI CÓ DẤU HIỆU GIAN LẬN HOẶC SAI SÓT

- Thông báo về gian lận và sai sót cho Giám đốc hoặc người có thẩm quyền (HQQT)
- Thông báo cho người sử dụng báo cáo kiểm toán ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến không chấp nhận
- Thông báo cho cơ quan có liên quan
- Kiểm toán viên và công ty kiểm toán từ chối/thanh lý sớm hợp đồng kiểm toán.

## 4. BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

### 4.1. KHÁI NIỆM

Bảng chứng kiểm toán: Là tất cả các tài liệu, thông tin do kiểm toán viên thu thập được liên quan đến cuộc kiểm toán và dựa trên các thông tin này kiểm toán viên hình thành nên ý kiến của mình.

Việc thu thập các bằng chứng kiểm toán là phần trung tâm của việc kiểm toán.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Bảng chứng kiểm toán được thu thập bằng sự kết hợp thích hợp giữa các thủ tục thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản
- Thử nghiệm kiểm soát kiểm tra hệ thống kiểm soát: Là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán về sự thiết kế phù hợp và sự vận hành hữu hiệu của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thử nghiệm một lần (kiểm tra cơ bản): Là việc kiểm tra để thu thập bằng chứng kiểm toán liên quan đến báo cáo được kiểm toán nhằm phát hiện ra những sai sót trọng yếu “Thử nghiệm cơ bản gồm:
  - Kiểm tra chi tiết các nghiệp vụ và số dư;
  - Thực hiện Quy trình phân tích có liên quan.

### 4.2. TẠI SAO PHẢI THU NHẬP BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN?

Báo cáo kiểm toán có mục đích là xác nhận với những người độc rằng báo cáo được kiểm toán là một nguồn thông tin đáng tin cậy  $\Rightarrow$  Để chứng minh rằng ý kiến của KTV là có căn cứ, trung thực, khách quan và đảm bảo không có rủi ro.

### 4.3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

Bảng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp

- Đầy đủ: chúng liên quan đến toàn bộ giai đoạn được kiểm toán, phải liên quan đến mọi khía cạnh trọng yếu của mục tiêu được kiểm toán
- Thích hợp: chúng phù hợp với mục tiêu, nội dung cần kiểm toán và phù hợp với ý kiến nêu trong báo cáo kiểm toán

VD: Kiểm toán BCTC niên khóa 2003 DN A nhưng bằng chứng thu thập chỉ bao gồm quý 1 và quý 4 năm 2003

Thông thường kiểm toán viên dựa trên các bằng chứng mang tính xét đoán và thuyết phục nhiều hơn là khẳng định chắc chắn

Đánh giá về sự đầy đủ và tính thích hợp của bằng chứng kiểm toán phụ thuộc vào:

- Tính chất, nội dung và mức độ rủi ro tiềm tàng của toàn bộ báo cáo được kiểm toán, từng số dư tài khoản hoặc từng loại nghiệp vụ:

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và sự đánh giá về rủi ro kiểm soát;
- Tính trọng yếu của khoản mục được kiểm tra;
- Kinh nghiệm từ các lần kiểm toán trước;
- Kết quả các thủ tục kiểm toán, kể cả các sai sót hoặc gian lận đã được phát hiện;
- Nguồn gốc, độ tin cậy của các tài liệu, thông tin.

### 4.4. CÁC DẠNG BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

- Dạng có sẵn:
  - Các chứng từ kế toán (phiếu thu chi, hoá đơn mua hàng, bảng lương, hợp đồng kinh tế, hợp đồng LĐ v.v...)
  - Sổ kế toán (nhật ký chung, sổ kho, sổ cái, bảng cân đối tài khoản, v.v...)
  - Vật chứng khác (sự hiện hữu của tài sản, các mẫu vật SP, giấy chứng nhận cổ phiếu, biên bản họp HĐQT v.v.)
- Dạng được tạo ra:
  - Những bản thuyết minh
  - Các phiếu câu hỏi
  - Các bản xác nhận của bên thứ 3 (xác nhận số dư, xác nhận thuế, v.v)
  - Những tài liệu, sự kiện tiếp sau giai đoạn được kiểm toán (bản giải trình của BGĐ) theo yêu cầu của kiểm toán, tờ cam kết gửi kiểm toán, luân tiền/số liệu XN thanh toán nợ quá hạn sau biên độ kế toán v.v.)

### 4.5. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

- Kiểm tra: Là việc soát xét chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan hoặc việc kiểm tra các tài sản hữu hình.
- Quan sát: Là việc theo dõi một hiện tượng, một chu trình hoặc một thủ tục do người khác thực hiện (Ví dụ: kiểm toán viên quan sát việc kiểm kê thực tế hoặc quan sát các thủ tục kiểm soát do đơn vị tiến hành...)
- Điều tra: Là việc tìm kiếm thông tin từ những người có hiểu biết ở bên trong hoặc bên ngoài đơn vị. Điều tra được thực hiện bằng việc chính thức, gửi văn bản, phỏng vấn hoặc trao đổi kết quả điều tra, sẽ cung cấp cho kiểm toán viên những thông tin chưa có, hoặc những thông tin bổ sung để củng cố các bằng chứng đã có. (hay sử dụng trong kiểm toán tuân thủ)

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- **Xác nhận:** Là sự trả lời cho một yêu cầu cung cấp thông tin nhằm xác minh lại những thông tin đã có trong các tài liệu kế toán (Ví dụ: Kiểm toán viên yêu cầu đơn vị gửi thư cho khách hàng xác nhận trực tiếp đối với số dư các khoản phải thu của khách hàng...)
- **Tính toán:** Là việc kiểm tra tính chính xác: về mặt toán học của số liệu trên chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác hay việc thực hiện các tính toán độc lập của kiểm toán viên.
- **Quy trình phân tích:** Là việc phân tích các số liệu, thông tin, các tỷ suất quan trọng, qua đó tìm ra những xu hướng, biến động và tìm ra những mối quan hệ có mâu thuẫn với các thông tin liên quan khác hoặc có sự chênh lệch lớn so với giá trị đã dự kiến.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 4.6. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

- Bảng chứng có nguồn gốc từ bên ngoài đơn vị đáng tin cậy hơn bằng chứng có nguồn gốc từ bên trong;
- Bảng chứng có nguồn gốc từ bên trong đơn vị có độ tin cậy cao hơn khi hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả;
- Bảng chứng do kiểm toán viên tự thu thập có độ tin cậy cao hơn bằng chứng do đơn vị cung cấp;
- Bảng chứng dưới dạng văn bản, hình ảnh đáng tin cậy hơn bằng chứng ghi lại lời nói.
- Bảng chứng kiểm toán có sức thuyết phục cao hơn khi có được thông tin từ nhiều nguồn và nhiều loại khác nhau cùng xác nhận.

### 4.7. KIỂM TRA – PHƯƠNG PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ THU THẬP BẢNG CHỨNG

Trong quá trình thu thập các bằng chứng kiểm toán, kiểm toán viên phải xác định các phương pháp thích hợp để kiểm tra bằng chứng.

Các phương pháp kiểm tra có thể được lựa chọn là:

- Chọn toàn bộ (kiểm tra 100%);
- Lựa chọn các phần tử đặc biệt;
- Lấy mẫu kiểm toán.

#### 4.7.1. Kiểm tra 100% là thích hợp trong một số trường hợp sau

- Những tổng thể có ít phần tử nhưng giá trị của từng phần tử lớn & quan trọng (VD: v/d góp vốn đầu tư: nhập khẩu TSCĐ; hợp đồng vay tín dụng trung – dài hạn)
- Khi rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát đều rất cao và các phương pháp khác không thể cung cấp đầy đủ bằng chứng thích hợp;
- Khi việc tính toán thường lặp lại (VD: tính tổng giá thành – giá vốn hàng bán) hoặc các quy trình tính toán khác có thể thực hiện bởi hệ thống máy vi tính làm cho việc kiểm tra 100% vẫn có hiệu quả về mặt chi phí;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Đơn vị được kiểm toán có dấu hiệu kiện tụng, tranh chấp;

### 4.7.2. Lựa chọn các phần tử đặc biệt:

Kiểm toán viên có thể quyết định lựa chọn các phần tử đặc biệt từ một tập hợp thông tin – số liệu dựa trên các nhân tố như sự hiểu biết về tình hình kinh doanh của khách hàng, đánh giá ban đầu về rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát cũng như các đặc điểm của tổng thể được thử nghiệm.

Các phần tử đặc biệt có thể bao gồm:

- Các phần tử có giá trị lớn hoặc quan trọng
- Tất cả các phần tử có giá trị từ một khoản tiền nào đó trở lên
- Các phần tử thích hợp cho mục đích thu thập thông tin
- Các phần tử cho mục đích kiểm tra các thủ tục

## 5. LẤY MẪU KIỂM TOÁN CÁC

### 5.1. KHÁI NIỆM

Lấy mẫu kiểm toán (gọi tắt là lấy mẫu): Là áp dụng các thủ tục kiểm toán trên số phần tử ít hơn 100% tổng số phần tử của một sổ dư tài khoản hay một loại nghiệp vụ, sao cho mọi phần tử đều có cơ hội để được chọn.

Lấy mẫu có thể tiến hành theo phương pháp thống kê hoặc phi thống kê.

- Đơn vị lấy mẫu: Là các phần tử riêng biệt cấu thành tổng thể. Ví dụ, các séc trong bảng kê nộp tiền, các nghiệp vụ ghi Có trên sổ phụ ngân hàng. Hóa đơn bán hàng hoặc sổ dư Nợ các khoản phải thu khách hàng. Đơn vị lấy mẫu có thể là một đơn vị tiền tệ, một đơn vị hiện vật hoặc số lượng.
- Sai phạm: Là việc không thực hiện hoặc thực hiện sai thủ tục kiểm soát, phát hiện được qua các thử nghiệm kiểm soát hoặc các sai lệch về thông tin hoặc số liệu phát hiện được qua các thử nghiệm cơ bản, do cá nhân hoặc tập thể gây ra một cách cố ý (gian lận) hoặc không cố ý (sai sót). Tổng sai phạm được tính bằng tỷ lệ lỗi hoặc tổng giá trị sai lệch về số liệu.
  - Sai phạm cá biệt: Là các sai phạm phát sinh từ những sự kiện cá biệt không tái diễn trừ khi xảy ra những tình huống đặc biệt có thể dự tính trước. Sai phạm cá biệt không đại diện cho sai phạm của tổng thể.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sai phạm có thể bỏ qua: Là một sai phạm tối đa trong một tổng thể mà kiểm toán viên và Công ty kiểm toán có thể chấp nhận được. Sai phạm có thể bỏ qua là sai phạm dưới mức trọng yếu.
- **Rủi ro lấy mẫu:** Là khả năng kết luận của kiểm toán viên dựa trên kiểm tra mẫu có thể khác với kết hợp mà kiểm toán viên đạt được nếu kiểm tra trên toàn bộ tổng thể với cùng một thủ tục. Có hai loại rủi ro lấy mẫu:
  - Rủi ro khi kiểm toán viên kết luận rủi ro kiểm toán thấp hơn mức rủi ro thực tế đối với thử nghiệm kiểm soát) hoặc không có sai sót trọng yếu trong khi thực tế là có (đối với thử nghiệm cơ bản). Loại rủi ro này ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của cuộc kiểm toán và có thể dẫn đến ý kiến kiểm toán không xác đáng.
  - Rủi ro khi kiểm toán viên kết luận rủi ro kiểm soát cao hơn mức độ rủi ro thực tế (đối với thử nghiệm kiểm soát) hoặc có sai sót trọng yếu trong khi thực tế không có (đối với thử nghiệm cơ bản). Loại rủi ro này ảnh hưởng đến hiệu quả của cuộc kiểm toán vì nó thường dẫn đến các công việc bổ sung để chứng minh rằng các kết luận ban đầu là không đúng.
- **Rủi ro ngoài lấy mẫu:** Là rủi ro khi kiểm toán viên đến một kết luận sai vì các nguyên nhân không liên quan đến cơ bản. Ví dụ: kiểm toán viên có thể sử dụng thủ tục kiểm toán không thích hợp hay kiểm toán viên hiểu sai bằng chứng và không nhận diện được sai sót.

Tại sao phải sử dụng lấy mẫu khi thực hiện kiểm toán:

- Số lượng các bằng chứng lớn
- Thời gian và chi phí thực hiện kiểm toán có thích hợp
- Mục tiêu kiểm toán chỉ là đánh giá trên các phương diện trọng yếu.

### 5.2. QUI TRÌNH LẤY MẪU

#### 5.2.1. Thiết kế mẫu

Khi thiết kế mẫu kiểm toán, kiểm toán viên phải xem xét các tài liệu mục tiêu lấy mẫu và các thuộc tính của mục tiêu dự định lấy mẫu để xác định tổng thể, bao gồm tất cả của khoản mục/các nhóm các nghiệp vụ phát sinh có liên quan.

- **Tổng thể:** Là toàn bộ dữ liệu mà từ đó kiểm toán viên lấy mẫu để có thể đi đến một kết luận. Ví dụ, tất cả các phần tử trong một sổ dư tài khoản hay

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

một loại nghiệp vụ cấu thành một tổng thể. Một tổng thể có thể được chia thành các nhóm hoặc các tổng thể con và mỗi nhóm được kiểm tra riêng. Trong trường hợp này, thuật ngữ “tổng thể” bao hàm cả thuật ngữ “nhóm”.

- Tổng thể cần được xác định phù hợp và đầy đủ với đối tượng kiểm toán.
- Tổng thể phải phù hợp với mục đích lấy mẫu. Ví dụ nếu thử nghiệm xem các khoản phải thu có bị khai cao hơn thực tế không thì tổng thể phải xác định là danh sách các khoản phải thu. Ngược lại, khi thử nghiệm xem các khoản chi trả sau ngày khóa sổ, các hóa đơn chưa thanh toán, các giấy báo Nợ của nhà cung cấp, các phiếu nhập kho chưa có hóa đơn.
- Tổng thể phải luôn đầy đủ. Ví dụ: (1) Nếu kiểm toán viên dịch lựa chọn các phiếu cho từ một hồ sơ lưu thì phải đảm bảo rằng hồ sơ lưu đó bao gồm tất cả các phiếu chi trong kỳ; (2) Nếu kiểm toán viên có ý định sử dụng mẫu để đưa ra kết luận về hoạt động của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm toán nội bộ trong kỳ báo cáo thì tổng thể phải bao gồm tất cả các phần tử liên quan trong kỳ đó.

### 5.2.2. Phân nhóm

Là việc phân chia tổng thể thành các tổng thể con hoặc các nhóm, mỗi tổng thể con hoặc mỗi nhóm là một tập hợp các đơn vị lấy mẫu có cùng tính chất (thường là chỉ tiêu giá trị).

Nếu trước khi xác định cỡ mẫu, ta không phân chúng thành nhóm và lấy mẫu từ nhóm đó thì có thể xảy ra tình trạng mẫu được chọn không đại diện cho tổng thể và KTV có thể không nhận thấy một sai sót quan trọng nào đó.

Ví dụ, kiểm tra số dư phải thu, số lượng khách hàng khoảng 100 và tổng số phải thu khoảng 3 tỉ VNĐ; trong đó số dư liên quan đến 10 khách hàng chiếm tới 60% số tiền phải thu,  $\Rightarrow$  phân 100 khách hàng thành các nhóm phải thu theo qui mô số tiền phải thu  $\Rightarrow$  ưu tiên kiểm tra xác nhận số dư 10 khách hàng trọng yếu  $\Rightarrow$  công sức bỏ ra ít và độ an toàn chính xác cao.

### 5.2.3. Xác định cỡ mẫu

Cỡ mẫu ảnh hưởng tới mức rủi ro kiểm toán. Rủi ro có thể chấp nhận được càng thấp, thì cỡ mẫu cần thiết sẽ càng cao.

Khi xác định cỡ mẫu phải xem xét ảnh hưởng của các nhân tố liên quan.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Các nhân tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu trong thử nghiệm kiểm toán

Nhân tố	Ảnh hưởng đến cỡ mẫu
1. Mức độ tin cậy mà kiểm toán viên dự định đưa vào hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ tăng lên.	Tăng lên
2. Tỷ lệ sai phạm đối với thủ tục kiểm soát mà kiểm toán viên có thể chấp nhận được tăng lên.	Giảm xuống
3. Tỷ lệ sai phạm đối với thử nghiệm kiểm soát mà kiểm toán viên dự toán sẽ xảy ra trong tổng thể tăng lên	Tăng lên
4. Rủi ro do kiểm toán viên đánh giá rủi ro kiểm soát thấp hơn thực tế giảm xuống	Tăng lên
5. Số lượng đơn vị lấy mẫu trong tổng thể tăng lên	Ảnh hưởng không đáng kể

- Các nhân tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu trong thử nghiệm cơ bản

Nhân tố	Ảnh hưởng đến cỡ mẫu
1. Đánh giá của kiểm toán viên về rủi ro tiềm tàng tăng lên	Tăng lên
2. Đánh giá của kiểm toán viên về rủi ro kiểm soát tăng lên	Tăng lên
3. Sử dụng nhiều hơn thử nghiệm cơ bản cho cùng cơ sở dữ liệu của báo cáo tài chính	
4. Rủi ro mà kiểm toán viên kết toán rằng không có sai phạm trọng yếu trong khi thực tế là có	Tăng lên
5. Tổng sai sót mà kiểm toán viên có thể chấp nhận được (sai sót có thể bỏ qua) tăng lên	Giảm xuống
6. Số liệu của sai sót kiểm toán viên dự tính sẽ phát hiện trong tổng thể tăng lên.	Tăng lên
7. Nếu có thể áp dụng việc phân bố sai sót cho tổng thể trên phương pháp này là thích hợp.	Giảm xuống
8. Số lượng đơn vị lấy mẫu trong tổng thể tăng lên	Ảnh hưởng không đáng kể

### 5.2.4. Lựa chọn các phần tử của mẫu

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Kiểm toán viên phải lựa chọn các phần tử của mẫu sao cho tất cả các đơn vị lấy mẫu trong tổng thể có cơ hội được chọn.

Các phương pháp chủ yếu để lựa chọn các phần tử của mẫu là:

- Sử dụng một chương trình chọn số ngẫu nhiên hoặc bằng số ngẫu nhiên;
- Lựa chọn theo hệ thống: Trước hết xác định khoảng cách lấy mẫu được tính bằng cách chia số lượng phần tử của tổng thể cho cỡ mẫu. Giả sử với một tổng thể có 10.000 hóa đơn, cỡ mẫu cần thiết là 200 thì khoảng cách lấy mẫu là 50. Sau đó chọn điểm xuất phát bất kỳ của hóa đơn đầu tiên VD 15) và cứ thế cách 30 hóa đơn ( $\Rightarrow 05, 115 \dots$ ) sẽ chọn một hóa đơn vào mẫu).
- Lựa chọn bất kỳ: Kiểm toán viên lựa chọn các phần tử vào mẫu không theo một trật tự nào nhưng phải tránh bất kỳ sự thiên lệch hoặc định kiến chủ quan nào.

### 5.2.5. Dự tính sai sót trong tổng thể

Khi thực hiện thử nghiệm cơ bản, kiểm toán viên của dự tính sai sót trong tổng thể dựa trên giá trị của sai sót phát hiện trong mẫu và so sánh sai sót đã dự tính với sai sót có thể bỏ qua.

Sai sót có thể bỏ qua là số tiền/ti lệ sai lệch nhỏ hơn số ước tính.

Khi thực hiện thử nghiệm kiểm soát không cần phải dự tính sai sót trong tổng thể vì tỷ lệ sai sót của mẫu cũng là tỷ lệ sai sót dự tính của tổng thể.

### 5.2.6. Đánh giá kết quả mẫu

Khi dự đoán hoặc kết luận các sai sót trên tổng thể phải xem xét đến các điều kiện gây ra sai sót.

Trong thử nghiệm kiểm soát nếu tỷ lệ sai sót của mẫu cao hơn với dự tính thì cần điều chỉnh tăng mức rủi ro kiểm soát, trừ khi kiểm toán viên thu thập được những bằng chứng khác hỗ trợ cho việc đánh giá trước đây.

Trong thử nghiệm cơ bản, nếu số tiền sai sót của mẫu cao hơn dự tính, kiểm toán viên có thể kết luận là số dư tài khoản hoặc loại nghiệp vụ đã bị sai lệch trọng yếu, trừ khi thu thập được các bằng chứng khác để chứng minh rằng không tồn tại sai sót trọng yếu nào.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Nếu tổng giá trị của sai sót dự tính cộng (+) với sai sót cá biệt nhỏ hơn nhưng gần tới mức sai sót có thể bỏ qua, kiểm toán viên cần xem xét tính thuyết phục của kết quả mẫu bằng cách kết hợp với kết quả của các thủ tục kiểm toán khác hoặc thu thập thêm bằng chứng kiểm toán. Tổng giá trị của sai sót dự tính cộng (+) với sai sót cá biệt là dự tính thích hợp nhất của kiểm toán viên về sai sót của tổng thể. Tuy nhiên, kết quả mẫu vẫn bị ảnh hưởng bởi rủi ro lấy mẫu. Khi tổng sai sót dự tính cộng (+) với sai sót cá biệt gần bằng sai sót có thể bỏ qua thì kiểm toán viên phải thừa nhận tồn tại rủi ro vì nếu lấy một mẫu khác có thể dẫn đến một kết quả dự tính khác cao hơn sai sót có thể bỏ qua. Việc thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán viên khác sẽ giúp kiểm toán viên đánh giá đúng hơn rủi ro này. Rủi ro sẽ giảm đi khi thu thập thêm được những bằng chứng khác.

Khi kiểm toán viên chứng minh được một sai sót phát sinh từ một sự kiện cá biệt mà sự kiện này không lặp lại trừ khi xảy ra những tình huống đặc biệt thì sai sót này không đại diện cho những sai sót trong tổng thể (sai sót cá biệt). Để khẳng định sai sót là cá biệt và không đại diện cho tổng thể, kiểm toán viên phải thực hiện một số công việc bổ sung.

Số lượng công việc bổ sung phụ thuộc vào từng tình huống cụ thể, nhưng phải đủ để khẳng định rằng sai sót không ảnh hưởng đến phần còn lại của tổng thể.

Ví dụ (1) sai sót do máy vi tính bị sự cố nhưng chỉ xảy ra một ngày trong năm, kiểm toán viên đánh giá ảnh hưởng của sự cố bằng cách kiểm tra việc xử lý các nghiệp vụ cụ thể của ngày đó, xem xét sự ảnh hưởng của nguyên nhân gây ra sự cố đến các thủ tục kiểm toán và đưa ra kết luận.

Ví dụ (2) việc sử dụng sai công thức tính toán hàng tồn kho tìm thấy ở một chi nhánh sẽ được coi là cá biệt khi các chi nhánh khác sử dụng đúng công thức.

### 5.3. LẤY MẪU THỐNG KÊ

Lấy mẫu thống kê: là phương pháp lấy mẫu dựa vào các kỹ năng thuật toán để tính các kết quả thống kê một cách có hệ thống. phương pháp này có hai đặc điểm sau:

- Các phần tử được lựa chọn ngẫu nhiên vào mẫu;
- Sử dụng lý thuyết xác suất thống kê để đánh giá kết quả mẫu, bao gồm cả việc định hướng rủi ro lấy mẫu.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Khi áp dụng lấy mẫu thống kê, cỡ mẫu có thể xác định bằng cách sử dụng lý thuyết xác suất thống kê dựa vào 02 tham số trong bảng hệ số thống kê về độ tin cậy cho sẵn.

Công thức được sử dụng gồm:

$$\text{Hệ số tin cậy} = \text{Quy mô mẫu} \times \text{Sai số cho phép}$$

$$\text{Quy mô mẫu} = \frac{\text{Hệ số tin cậy}}{\text{Sai số cho phép}}$$

$$\text{Sai số cho phép} = \frac{\text{Hệ số tin cậy}}{\text{Quy mô mẫu}}$$

$$\text{Khoảng lấy mẫu} = \frac{\text{Giá trị tập hợp}}{\text{Quy mô mẫu}}$$

### 5.4. LẤY MẪU PHI THỐNG KÊ

Theo phương pháp lấy mẫu phi thống kê, kiểm toán viên sử dụng xét đoán nghề nghiệp để chọn các phần tử của mẫu.

KTV theo kinh nghiệm  $\Rightarrow$  xác định trọng yếu  $\Rightarrow$  xác định những khoản mục có độ rủi ro cao  $\Rightarrow$  ước tính giá trị phải kiểm tra.

VD: Chọn kiểm tra các chứng từ có giá trị lớn hơn 50 triệu và bắt đầu từ chứng từ có giá trị 50 triệu đ và mẫu kiểm tra tối đa 50 chữ

## 6. BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 6.1. KHÁI NIỆM

“Báo cáo kiểm toán” là loại báo cáo bằng văn bản do kiểm toán viên và Công ty kiểm toán lập và công bố nêu rõ ý kiến chính thức của mình xét trên những khía cạnh trọng yếu về báo cáo tài chính của một đơn vị đã được kiểm toán.

Trong báo cáo kiểm toán, khi chấp thuận BCTC được kiểm toán. KTV không bao giờ cam kết báo cáo của DN là chính xác và hợp lý trên mọi khía cạnh trọng yếu.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 6.2. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA MỘT BÁO CÁO KIỂM TOÁN (9 YẾU TỐ)

- Tên và địa chỉ Công ty kiểm toán:
  - Báo cáo kiểm toán phải nêu rõ tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch, số điện thoại, số fax và số liệu liên lạc khác của Công ty hoặc chi nhánh Công ty kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán.
  - Trường hợp có từ hai (02) Công ty kiểm toán trở lên cùng thực hiện một (01) cuộc kiểm toán thì phải ghi đủ các thông tin nêu trên của các Công ty báo cáo kiểm toán.
- Số liệu báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ số liệu phát hành báo cáo kiểm toán của Công ty hoặc chi nhánh Công ty kiểm toán.
- Tiêu đề báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán phải có tiêu đề rõ ràng và thích hợp để phân biệt với báo cáo do người khác lập.
- Người nhận báo cáo kiểm toán: Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ người được nhận báo cáo kiểm toán phù hợp với hợp đồng kiểm toán. Người nhận có thể là Hội đồng quản trị, Giám đốc, hoặc các cổ đông đơn vị được kiểm toán.
- Mở đầu của báo cáo kiểm toán.
  - Mở đầu “Báo cáo kiểm toán” phải ghi rõ đối tượng của cuộc kiểm toán và khoảng thời gian mà báo cáo được kiểm toán phản ánh.
  - Báo cáo kiểm toán phải khẳng định rõ ràng việc lập báo cáo được kiểm toán là thuộc trách nhiệm đơn vị được kiểm toán.
  - Trách nhiệm của kiểm toán viên và Công ty kiểm toán là đưa ra ý kiến về báo cáo dựa trên kết quả kiểm toán của mình.
- Phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán
  - Báo cáo kiểm toán phải nêu rõ phạm vi và căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán bằng cách nêu các chuẩn mực kiểm toán được áp dụng.
  - Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ căn cứ thực hiện cuộc kiểm toán và các thủ tục cần thiết để có được sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.
  - Báo cáo kiểm toán phải nêu rõ căn cứ cho ý kiến của kiểm toán viên.
- Ý kiến của kiểm toán viên và Công ty kiểm toán
  - Báo cáo kiểm toán phải nêu rõ ý kiến của KTV về tính trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Khi nêu ý kiến, cần đánh giá sự tuân thủ chuẩn mực Vn thì phải nêu rõ tên của nước mà báo cáo được kiểm toán áp dụng.
- Khi báo cáo được gửi ra ngoài Việt Nam thì trong báo cáo kiểm toán phải nhắc đến các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam đã áp dụng
- Ý kiến của kiểm toán viên và công ty kiểm toán về thông tin tài chính đã được kiểm toán
  - Cơ sở ý kiến:
    - ◆ Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng, các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính.
    - ◆ Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.
  - Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ABC tại ngày 31/12/X, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/X, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Địa điểm và thời gian lập báo cáo kiểm toán
  - Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ ngày, tháng, năm kết thúc toàn bộ công việc kiểm toán. Báo cáo kiểm toán phải ghi rõ địa điểm (Tỉnh, Thành phố) của Công ty hoặc chi nhánh Công ty kiểm toán chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán.
  - Ngày ký báo cáo kiểm toán không được ghi trước ngày đơn vị ký báo cáo tài chính.
- Chữ ký và đóng dấu
  - Báo cáo kiểm toán phải ký rõ tên và số hiện đăng ký hành nghề kiểm toán ở Việt Nam của kiểm toán viên và của Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) nơi chịu trách nhiệm phát hành báo cáo kiểm toán.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Trường hợp có từ hai (02) Công ty kiểm toán trở lên cùng thực hiện một (01) cuộc kiểm toán thì báo cáo kiểm toán phải được ký bởi Giám đốc (hoặc người được ủy quyền) của đủ các Công ty kiểm toán phải ghi đủ các thông tin nêu trên của các Công ty báo cáo kiểm toán.
- Ngôn ngữ trình bày trên báo cáo kiểm toán là tiếng Việt Nam hoặc tiếng Việt Nam và một thứ tiến nước ngoài đã thỏa thuận trên hợp đồng kiểm toán.

### 6.3. CÁC LOẠI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN TRONG BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Căn cứ kết quả kiểm toán, kiểm toán viên đưa ra một trong bốn loại ý kiến như sau:

#### 6.3.1. Ý kiến chấp nhận toàn phần

- Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo được kiểm toán khi KTV cho rằng báo cáo đó đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, và phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- Ý kiến chấp nhận toàn phần được áp dụng cho cả trường hợp báo cáo kiểm toán có những sai sót nhưng đã được KTV phát hiện và đơn vị đã điều chỉnh đúng với thực tế phát sinh.
- Ý kiến chấp nhận toàn phần còn được áp dụng cho cả trường hợp báo cáo kiểm toán có một đoạn nhận xét để làm sáng tỏ một số yếu tố ảnh hưởng không trọng yếu đến báo cáo được kiểm toán, nhưng không có ảnh hưởng đến tính trung thực hợp lý của báo cáo kiểm toán.

#### 6.3.2. Ý kiến chấp nhận từng phần

- Khi KTV cho rằng báo cáo chỉ phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, nếu không bị ảnh hưởng bởi yếu tố tùy thuộc/ngoại trừ mà KTV nêu ra trong báo cáo kiểm toán. Có nghĩa, nếu các yếu tố do KTV nêu ra có ảnh hưởng trọng yếu thì báo cáo đó đã không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.
- Yếu tố tùy thuộc/ngoại trừ là yếu tố trọng yếu nhưng không chắc chắn xảy ra. Nó thường liên quan đến các sự kiện có thể xảy ra trong tương lai, nằm ngoài khả năng kiểm soát của dvi và kiểm toán viên.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Việc đưa ra yếu tố tùy thuộc/ngoại trừ cho phép KTV hoàn thành trách nhiệm của mình nhưng cũng lưu ý người đọc báo cáo phải theo dõi sự kiện có thể xảy ra.
- Ý kiến chấp nhận từng phần thường được thể hiện bởi thuật ngữ “ngoại trừ” hoặc “tùy thuộc” ảnh hưởng của các vấn đề...

### 6.3.3. Ý kiến từ chối (hoặc ý kiến không thể đưa ra ý kiến)

- Ý kiến từ chối (hoặc không thể đưa ra ý kiến) được đưa ra trong trường hợp cuộc kiểm toán bị giới hạn những vấn đề quan trọng hoặc thiếu thông tin tới mức KTV không thể thu thập đầy đủ và thích hợp các bằng chứng kiểm toán để có thể cho ý kiến về báo cáo được kiểm toán.
- Mẫu câu gợi ý sử dụng: “Theo ý kiến của chúng tôi, vì các lý do nêu trên, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về báo cáo...”

### 6.3.4. Ý kiến không chấp nhận (hoặc ý kiến trái ngược).

- Ý kiến không chấp nhận (hoặc ý kiến trái ngược) được đưa ra trong trường hợp các vấn đề không thống nhất với Giám đốc là quan trọng hoặc liên quan đến một số lượng lớn các khoản mục đến mức độ mà kiểm toán viên cho rằng ý kiến chấp nhận từng phần là chưa đủ để thể hiện tính chất và mức độ sai sót trọng yếu của báo cáo được kiểm toán
- Mẫu câu gợi ý áp dụng: “Theo ý kiến của chúng tôi, vì ảnh hưởng trọng yếu của những vấn đề nêu trên, báo cáo phản ánh không trung thực và không hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu...”

## 6.4. BÁO CÁO KIỂM TOÁN TRONG MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

Xem xét 6 trường hợp:

- Phụ lục Báo cáo kiểm toán: Trong một số trường hợp thấy cần thiết phải bổ sung thêm thông tin về kết quả của cuộc kiểm toán đã được trình bày trên báo cáo kiểm toán. KTV được phép lập thêm phần Phụ lục đính kèm báo cáo kiểm toán, như: Phần trình bày rõ thêm các thông tin về yếu tố ngoại trừ, bảng tính số liệu chi tiết...
- Thư quản lý: Để giúp đơn vị hoàn thiện hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Thư quản lý mô tả về từng sự kiện cụ thể, và nêu kiến nghị của KTV về những v/đ rủi ro có thể xảy ra liên quan đến sự kiện đó.
- Thư quản lý là một phần kết quả của cuộc kiểm toán, nhưng không nhất thiết phải lập hoặc đính kèm báo cáo kiểm toán.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán kiểm toán được lập theo cơ sở kế toán khác với chế độ phổ biến hiện hành:
  - BCTC được lập nhằm đáp ứng một mục tiêu đặc biệt và được căn cứ trên một cơ sở kế toán khác với các chuẩn mực kế toán chấp nhận. Các cơ sở kế toán khác, như :
    - ◆ Cơ sở sử dụng để lập bảng kê khai thuế;
    - ◆ Cơ sở kế toán thực thu, thực chi tiền;
    - ◆ Các quy định về báo cáo tài chính của các cơ quan nhà nước.
  - BC kiểm toán về BCTC được lập theo một cơ sở kế toán khác phải nêu rõ cơ sở kế toán khác được sử dụng và trong phần thuyết minh BCTC cần nêu rõ thông tin liên quan cơ sở đó.
  - Ý kiến trong báo cáo kiểm toán phải nêu rõ tính tuân thủ của BCTC, trên mọi khía cạnh trọng yếu có phù hợp với cơ sở kế toán đã được xác định hay không.
- Báo cáo kiểm toán về một số khoản mục trong báo cáo tài chính
  - Công việc kiểm toán này không đòi hỏi phải đưa ra ý kiến về toàn bộ BCTC mà chỉ cần đưa ra ý kiến về một số khoản mục trong BCTC được kiểm toán, trên các khía cạnh trọng yếu, có được lập theo cơ sở kế toán đã ÷ xác định hay không.
  - Báo cáo kiểm toán một số khoản mục trong BCTC cần phải nêu rõ cơ sở kế toán được áp dụng cho những khoản mục đó có được lập theo cơ sở kế toán được áp dụng cho những khoản mục đó có được lập theo cơ sở kế toán đã được xác định hay không.
  - Khi đã đưa ra ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối về toàn bộ BCTC, thì kiểm toán viên chỉ được lập báo cáo kiểm toán về những khoản mục riêng lẻ trong BCTC khi những khoản mục đó không chiếm một phần trọng yếu trong BCTC. Nếu không sẽ làm sai lệch báo cáo kiểm toán về toàn bộ BTCT.
- Báo cáo kiểm toán về tính tuân thủ các điều khoản hợp đồng
  - KTV có thể được yêu cầu cung cấp báo cáo về tính tuân thủ của đơn vị đối với một số điều khoản của một hợp đồng. Ví dụ hợp đồng phát hành trái phiếu hoặc hợp đồng tín dụng. Những hợp đồng như vậy thường đòi

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

hội đơn vị phải tuân thủ những quy định về thanh toán lãi vay, phân phối cổ tức hoặc tái đầu tư các khoản thu nhập phát sinh từ việc bán tài sản.

- Kiểm toán viên cần phải nêu rõ ý kiến trong báo cáo kiểm toán về tính tuân thủ của đơn vị đối với các điều khoản cụ thể của hợp đồng.
- Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính tóm tắt: Trong phần phạm vi và căn cứ thực hiện kiểm toán của BC kiểm toán về BCTC tóm tắt có những đặt điểm sau:
  - Xác định BCTC đã được kiểm toán mà từ đó BCTC tóm tắt đã được lập ra;
  - Nếu ngày lập BC kiểm toán về toàn bộ BCTC thường niên và loại ý kiến kiểm toán đã được đưa ra trong báo cáo đó;
  - Nêu ý kiến xác nhận rằng các thông tin trong báo cáo tài chính tóm tắt có tương đồng với các thông tin trong BCTC thường niên được kiểm toán hay không;
  - Nếu kiểm toán viên lập báo cáo kiểm toán với ý kiến khác với ý kiến chấp nhận toàn phần về BCTC thường niên nhưng lại chấp nhận BCTC tóm tắt thì báo cáo kiểm toán về BCTC tóm tắt phải nêu rõ là BCTC tóm tắt này đã được lập từ BCTC thường niên đã được kiểm toán mà KTV đã có ý kiến khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.
  - Nêu ra những điểm tham chiếu tới BCTC, để người sử dụng hiểu rõ hơn về kết quả HDKD và tình hình tài chính của đơn vị được kiểm toán.
  - BCTC tóm tắt không chứa đựng tất cả những thông tin theo yêu cầu của chuẩn mực chung để lập BCTC thường niên. Vì thế thuật ngữ “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu”, không được sử dụng khi đưa ra ý kiến về BCTC tóm tắt này.

## 7. TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

### 7.1. KHÁI NIỆM

Hoạt động liên tục: Một đơn vị được coi là hoạt động liên tục trong một tương lai gần có thể dự đoán được (ít nhất là một năm kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán) khi không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngưng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và các quy định hiện hành.

Tính hoạt động liên tục rất quan trọng vì liên quan đến sự phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của đơn vị/DN => mua cổ phần, ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, cho vay đều có rủi ro cao.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 7.2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Trong quá trình đánh giá bằng khả năng liên tục, nếu Ban Giám đốc nhận biết được bất cứ sự không chắc chắn trọng yếu nào liên quan tới các sự kiện hoặc điều kiện có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng tiếp tục hoạt động của đơn vị, thì các vấn đề không chắc chắn này phải được trình bày trên báo cáo tài chính. Khi báo cáo tài chính không được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, thì đơn vị phải trình bày điều này và cơ sở áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính cùng các lý do đơn vị không được đánh giá là có khả năng hoạt động liên tục.

### 7.3. DẤU HIỆU NGHI NGỜ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC VỀ MẶT TÀI CHÍNH

- Tình trạng nợ phải trả lớn hơn tài sản hoặc nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản lưu động;
- Các khoản nợ dài hạn sắp đến hạn trả mà không có khả năng
- Dấu hiệu về việc cắt bỏ các hỗ trợ tài chính của khách hàng và chủ nợ;
- Luồng tiền từ HĐKD bị âm thể hiện trên BCTC hay dự báo trong tương lai;
- Lỗ lớn hoặc có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản;
- Nợ tồn đọng hoặc ngừng thanh toán cổ tức;
- Không có khả năng thanh toán nợ khi đến hạn;
- Không có khả năng tuân thủ các điều khoản của hợp đồng tín dụng;
- Chuyển đổi từ các giao dịch mua chịu sang mua thanh toán ngay với các nhà cung cấp;
- Không có khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ cho việc phát triển các sản phẩm mới thiết yếu hoặc các dự án đầu tư thiết yếu.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 7.4. DẤU HIỆU NGHI NGỜ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC VỀ MẶT HOẠT ĐỘNG

- Đơn vị thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế;
- Đơn vị bị mất một thị trường lớn, mất giấy phép bản quyền hoặc mất một nhà cung cấp quan trọng;
- Đơn vị gặp khó khăn về tuyển dụng lao động hoặc thiếu hụt các nguồn cung cấp quan trọng.

### 7.5. CÁC DẤU HIỆU NGHI NGỜ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC KHÁC

- Không tuân thủ theo các quy định về vốn cũng như các quy định khác của pháp luật;
- Đơn vị đáng bị kiện và các vụ kiện này chưa được xử lý mà nếu đơn vị thua kiện có thể dẫn đến các khoản bồi thường không có khả năng đáp ứng được;
- Thay đổi về luật pháp hoặc chính sách của Nhà nước làm ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị;

### 7.6. CÁC THỦ TỤC KIỂM TOÁN BỔ SUNG KHI CÁC SỰ KIỆN HOẶC ĐIỀU KIỆN ẢNH HƯỞNG TỚI KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH.

- Soát xét các kế hoạch của Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán về các hoạt động trong tương lai dựa trên đánh giá của họ về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị;
- Thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp nhằm xác nhận hoặc loại trừ sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu thông qua việc thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, bao gồm cả việc xem xét ảnh hưởng của các kế hoạch của Ban Giám đốc và các nhân tố giảm nhẹ khác;
- Yêu cầu BGD đơn vị được kiểm toán xác nhận bằng văn bản liên quan tới các kế hoạch hành động trong tương lai của họ.

### 7.7. LẬP VÀ NÊU Ý KIẾN VỀ TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC TRONG BÁO CÁO KIỂM TOÁN

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Trường hợp giả định về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị được kiểm toán là phù hợp nhưng tồn tại sự không chắc chắn trọng yếu.
  - Nếu trong BCTC đơn vị đã trình bày đầy đủ về sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu, KTV cần đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần nhưng sẽ đưa thêm vào văn bản báo cáo kiểm toán đoạn nhấn mạnh sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới các sự kiện hoặc điều kiện gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị và đồng thời lưu ý người đọc tới thuyết minh trong BCTC công khai các vấn đề được đề cập.
  - Nếu không BCTC đơn vị không trình bày đầy đủ về sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu. KTV phải đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến trái ngược tùy theo từng trường hợp cụ thể.
- Trường hợp giả định về khả năng hoạt động liên tục của đơn vị được kiểm toán là không phù hợp. Nếu BCTC được lập trên giả định cơ sở hoạt động liên tục, và kiểm toán cho thấy đơn vị chắc chắn không thể tiếp tục hoạt động, thì KTV phải đưa ra ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến trái ngược với kết luận của BCTC do đơn vị được kiểm toán lập.
- Trường hợp Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán không thực hiện hoặc không mở rộng đánh giá về khả năng hoạt động liên tục.
  - Nếu BGĐ của đơn vị được kiểm toán không đánh giá được khả năng hoạt động liên tục của đơn vị được kiểm toán thì KTV phải ghi nhận trong báo cáo kiểm toán ý kiến bị giới hạn phạm vi kiểm toán.
  - Nếu KTV đã thu thập đủ bằng chứng để kết luận về khả năng duy trì hoạt động của đơn vị được kiểm toán thì KTV vẫn có quyền chấp nhận giả định hoạt động liên tục của đơn vị khi nêu ý kiến về báo cáo được kiểm toán.

### CÂU HỎI CHƯƠNG 2

1. Tính trọng yếu kiểm toán là gì?
2. Rủi ro kiểm toán là gì? Phân biệt các loại rủi ro kiểm toán.
3. Phân biệt gian lận và sai sót. Nêu một vài ví dụ.
4. KTV phải làm gì khi gặp tình huống gian lận – sai sót?
5. Nêu vai trò và yêu cầu đối với bằng chứng kiểm toán
6. Nêu các dạng bằng chứng kiểm toán

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

7. Đánh giá mức độ tin cậy của các loại bằng chứng kiểm toán
8. Nêu các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán
9. Lấy mẫu kiểm toán là gì? Sự khác nhau của lấy mẫu thống kê và phi thống kê
10. Tóm tắt qui trình lấy mẫu
11. Báo cáo kiểm toán là gì?
12. Nêu các thành phần của báo cáo kiểm toán
13. Phân biệt các loại ý kiến của báo cáo kiểm toán
14. Tính hoạt động liên tục trong kiểm toán là gì? Nêu các dấu hiệu nghi ngờ tính hoạt động liên tục.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

CHƯƠNG 3

**KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Qui trình thực hiện kiểm toán
- Nội dung kiểm toán báo cáo tài chính
- Xem xét tính tuân thủ trong kiểm toán báo cáo tài chính
- Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu năm tài chính
- Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài
- Sử dụng tư liệu của kiểm toán nội bộ
- Sử dụng tư liệu của kiểm toán viên khác
- Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập BCTC
- Kiểm toán báo cáo kết quả kinh doanh
- Kiểm toán hàng cân đối kế toán
- Kiểm toán hàng thuyết minh BCTC
- Trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên hành nghề và Công ty kiểm toán

1. QUI TRÌNH THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

1.1. THỎA THUẬN KIỂM TOÁN

Hình thức thỏa thuận gồm:

- Hợp đồng kiểm toán;
- Thư hẹn/yêu cầu kiểm toán

Nội dung quan trọng cần thỏa thuận:

- Mục tiêu
- Phạm vi kiểm toán
- Luật định/chuẩn mực áp dụng
- Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Hình thức báo cáo kiểm toán
- Thời gian thực hiện và các điều khoản về phí
- Xử lý khi tranh chấp hợp đồng

### 1.2. LẬP KẾ HOẠCH – LỊCH KIỂM TOÁN

Kế hoạch kiểm toán gồm ba loại:

- Kế hoạch chiến lược phải được lập cho các cuộc kiểm toán lớn về qui mô, tính chất phức tạp, địa bàn rộng hoặc kiểm toán BCTC của nhiều năm.
- Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải được lập cho cuộc kiểm toán. Yêu cầu đối với kế hoạch kiểm toán tổng thể
- Chương trình kiểm toán phải được lập và thực hiện cho mọi cuộc kiểm toán.

Nội dung cơ bản của chương trình kiểm toán gồm:

- Thời gian để thực hiện thử nghiệm kiểm toán và thử nghiệm cơ bản;
- Đánh giá về rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm toán, cũng như mức độ đảm bảo phải đạt được thông qua thử nghiệm cơ bản
- Nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán cần thiết
- Các thông tin số liệu yêu cầu khách hàng cung cấp

### 1.3. KHẢO SÁT TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Nhằm:

- Xác định mức trọng yếu cho từng mục tiêu kiểm toán
- Dự tính rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm toán
- Lựa chọn được thủ tục phù hợp
- Xác định các nghiệp vụ và sự kiện kế hoạch phức tạp, bao gồm cả những ước tính kế toán

### 1.4. THU THẬP BẢNG CHỨNG KIỂM TOÁN

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Bảng chứng được thu thập cho từng đối tượng, khoản mục
- Bảng chứng kiểm toán thu thập được cần phải lưu trữ trong hồ sơ kiểm toán dưới dạng:
  - Bản sao
  - Bản gốc trong trường hợp đặc biệt
  - Ghi chép do kiểm toán viên thực hiện
  - Các tập tin máy tính có đủ các yếu tố liên quan đến chứng từ gốc như số liệu, ngày, số tiền, nội dung để khi cần có thể tra cứu hồ sơ sổ sách của đơn vị được kiểm toán.

### 1.5. THÔNG BÁO VÀ TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

KTV cần thông báo với BGD (người có thẩm quyền) của đơn vị được kiểm toán về kết quả kiểm toán nhằm:

- Khẳng định lại về tính chính xác đầy đủ của các bằng chứng thu thập
- Tạo điều kiện cho đơn vị được kiểm toán rà soát lại báo cáo tài chính, điều chỉnh lại BCTC hoặc giải trình hoặc cung cấp bổ sung các bằng chứng nếu cần thiết
- Giúp đơn vị được kiểm toán hoàn thiện hơn bộ máy kế toán và kiểm toán nội bộ

### 1.6. PHÁT HÀNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN

## 2. NỘI DUNG KIỂM TOÁN BCTC

Báo cáo tài chính: Là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị, gồm BCDKT, BC KQKD, LCT và TMBCTC

Các nguyên tắc cơ bản chi phối kiểm toán BCTC, gồm:

- Tuân thủ pháp luật của Nhà nước;
- Tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp;
- Tuân thủ chuẩn mực kiểm toán

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Mục tiêu của kiểm toán BCTC là xác nhận trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu của BCTC và sự phù hợp của BCTC với cơ sở chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Các khía cạnh trọng yếu của BCTC bao gồm:

- Các chỉ tiêu doanh thu, Giá vốn hàng hóa, chi phí điều hành quản trị kinh doanh; CP bán hàng; chỉ tiêu lãi lỗ gộp và lãi lỗ thuần
- Hiện trạng tài chính DN thể hiện dưới các chỉ tiêu tài sản cố định, nguồn vốn chủ sở hữu, tổng các khoản vay nợ ngắn dài hạn, tồn kho; tổng các khoản phải thu trong ngoài DN, các khoản CP trả trước chờ phân bổ
- Các chính sách kế toán áp dụng trong DN;
- Các chính sách – chế độ lao động tiền lương, thưởng
- Các định chế tài chính nội bộ DN như định mức CP, hoa hồng, v.v...;
- Các chính sách liên quan nghĩa vụ thuế;
- Các ưu đãi về thuế, lãi vay v.v... mà DN được hưởng

Khi kiểm toán báo cáo tài chính cho dù vì mục đích thuế hay không, thì khi kiểm tra và xác nhận chỉ tiêu Dthu, chi phí và lãi lỗ trong BCTC cần đảm bảo:

- BCTC thể hiện đúng thực tế thu chi và lãi lỗ của DN bao gồm cả các khoản phạt, chi phí không có hóa đơn BTC nhưng phù hợp với định chế tài chính DN
- Khi cần thiết có thể thuyết minh riêng khoản Doanh thu Cp hợp lệ về phương diện thuế, tổng lợi nhuận chịu thuế và khoản lỗ hợp lệ về phương diện thuế có thể kết chuyển sang những năm sau :

Các khía cạnh có thể được xem không trọng yếu trong BCTC:

- Chi tiết các khoản phải thu phải trả theo từng đối tượng
- Chi tiết phân bổ chi phí mua hàng cho từng mặt hàng
- Chi tiết phân bổ CP quản lý cho từng mặt hàng
- Chi tiết sản phẩm dở dang/xây dựng cơ bản dở dang theo từng đối tượng
- Phương pháp tính giá thành đơn vị Sp lựa chọn áp dụng
- Cách chia nhóm TSCĐ

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 3. XEM XÉT TÍNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH TRONG KIỂM TOÁN BCTC

- Pháp luật và các quy định là những văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan có thẩm quyền ban hành; các văn bản do cấp trên, hội nghề nghiệp, Hội đồng quản trị và Giám đốc quy định, liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và liên quan kinh tế, tài chính, kế toán thuộc lĩnh vực của đơn vị.
- Không tuân thủ pháp luật và các quy định là chỉ những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc không thực hiện pháp luật và các quy định dù vô tình hay cố ý của đơn vị của tập thể, cá nhân dưới danh nghĩa đơn vị hoặc của những người đại diện cho đơn vị gây ra.
- Việc đánh giá và xác định hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định nói chung không phải là trách nhiệm nghề nghiệp của KTV và Công ty kiểm toán. Trường hợp phải xác định hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định làm ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC thì KTV và Công ty kiểm toán phải tham khảo ý kiến của chuyên gia pháp luật hoặc cơ quan chức năng có liên quan.
- Trường hợp luật pháp quy định hoặc một hợp đồng kiểm toán có yêu cầu phải báo cáo về việc tuân thủ những điều khoản nhất định của các quy định pháp luật. KTV và Công ty kiểm toán phải lập kế hoạch để kiểm tra việc tuân thủ của đơn vị được kiểm toán về những điều khoản này.
- Nếu không thu được các bằng chứng về hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định thì kiểm toán viên có quyền xem mục đơn vị đã tuân thủ pháp luật và các quy định.
- Khi phát hiện ra những thông tin liên quan đến hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định, kiểm toán viên và Công ty kiểm toán phải tìm hiểu rõ tính chất của hành vi, hoàn cảnh phát sinh hành vi và những thông tin liên quan để đánh giá ảnh hưởng có thể có đến báo cáo tài chính.
- Kiểm toán viên được phép không phải thông báo những hành vi không tuân thủ nếu xác định là không gây hậu quả đáng kể, trừ trường hợp kiểm toán viên và đơn vị có thỏa thuận khác.
- Khi xét thấy các hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định có ảnh hưởng đến BCTC, kiểm toán viên phải xem xét đến:
  - Khả năng xảy ra hậu quả về tài chính, thậm chí dẫn đến rủi ro buộc đơn vị được kiểm toán phải ngừng hoạt động;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sự cần thiết phải giải trình hậu quả về tài chính trong phần thuyết minh báo cáo tài chính;
- Mức độ ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của BCTC.
- Nếu KTV xác định các hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định là cố ý có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC thì phải thông báo ngay phát hiện của mình bằng văn bản cho Giám đốc (hoặc người đứng đầu) đơn vị.
- Nếu KTV phát hiện Giám đốc (hoặc người đứng đầu) đơn vị có liên quan đến các hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định làm ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC thì cần tham khảo ý kiến của chuyên gia pháp luật và chọn giải pháp phù hợp.

Các dấu hiệu chủ yếu dẫn đến hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định

- Đã có sự kiểm tra, thanh tra, điều tra của cơ quan chức năng có liên quan về vi pháp luật và các quy định, như vay mượn, quan hệ thanh toán, tiền phạt...
- Có những khoản thanh toán không rõ ràng, hoặc cho các đối tượng là những người có chức, có quyền vay;
- Các khoản CP trả cho các dịch vụ quá cao so với các DN khác cùng ngành;
- Giá cả mua bán quá cao hoặc quá thấp so với mức giá của thị trường;
- DN có những quan hệ không bình thường với những Công ty có vấn đề nghi vấn;
- Thanh toán cho một nước khác với nước SX hoặc cung cấp HH, Dvụ đó;
- Không có chứng từ mua bán hợp lệ, thích hợp khi thanh toán;
- Nhưng nghiệp vụ thu, chi không được phê duyệt;
- Chi phí quản lý, chi phí quảng cáo quá cao,
- Bổ nhiệm kế toán trưởng không đúng quy định
- Thực hiện chế độ kiểm kê không đúng quy định.

#### 4. KIỂM TOÁN NĂM ĐẦU TIÊN – SỐ DƯ ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH

Thuật ngữ:

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Năm đầu tiên: Là năm được kiểm toán mà BCTC năm trước đó :
  - Chưa được kiểm toán; hoặc
  - Được Công ty kiểm toán khác kiểm toán
- Số dư đầu năm: Là số dư trên tài khoản kế toán vào thời điểm đầu năm tài chính trước.
- Yêu cầu đối với số liệu bằng chứng kiểm toán
  - Số dư đầu năm không có sai sót làm ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính năm nay;
  - Số dư cuối năm của năm tài chính trước được kết chuyển chính xác, hoặc được phân loại lại một cách phù hợp trong trường hợp cần thiết.
  - Chế độ kế toán đã được áp dụng nhất quán hoặc các thay đổi về chế độ kế toán đã được điều chỉnh trong báo cáo tài chính và trình bày đầy đủ trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Khi BCTC năm trước được Công ty kiểm toán khác kiểm toán thì KTV năm nay có thể thu thập bằng chứng kiểm toán về số dư đầu năm bằng cách:
  - Xem xét hồ sơ kiểm toán của kiểm toán viên năm trước.
  - Lưu ý đến năng lực chuyên môn và tính độc lập của kiểm toán viên năm trước.
- Nếu báo cáo kiểm toán năm trước không chấp nhận toàn phần thì KTV năm nay phải lưu ý đến những nguyên nhân không chấp nhận toàn phần của ý kiến kiểm toán năm trước.
- Khi BCTC năm trước chưa được kiểm toán hoặc đã được kiểm toán nhưng KTV năm nay không thỏa mãn với các bằng chứng thu thập được, thì kiểm toán viên phải thực hiện các thủ tục kiểm toán liên quan :
  - Nợ ngắn – dài hạn
  - Tài sản lưu động
  - Tài sản cố định
  - Các khoản đầu tư
- KTV năm nay không được dựa vào lý do BCTC năm trước Không được kiểm toán để đưa ra ý kiến loại trừ hoặc không chấp nhận mà không tiến hành của thủ tục rà soát, kiểm tra, đối chiếu lại

Các thủ tục kiểm toán có thể sử dụng như:

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Xem xét việc thanh toán các khoản phải thu, phải trả trong năm nay, để thu thập bằng chứng về số dư các khoản phải thu, phải trả đầu năm
  - Đối với hành tồn kho đầu năm, bằng cách giám sát kiểm kê thực tế trong năm hoặc cuối năm nay, đối chiếu số lượng, giá trị nhập, xuất từ đầu năm đến thời điểm kiểm kê thực tế và tính toán kiểm tra lại hàng tồn kho đầu năm
  - Đối với số dư tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, phải trả, đầu tư dài ngắn hạn, có thể thực hiện thủ tục xác nhận số dư đầu năm từ khách hàng có liên quan
  - Đối với TSCĐ có thể thực hiện kiểm kê, đối chiếu số lượng, giá trị mua, thanh lý trong năm để kiểm tra lại số dư đầu năm
  - Sau khi tiến hành của thủ tục kiểm toán cần thiết, nếu vẫn không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư đầu năm, thì báo cáo kiểm toán BCTC năm đầu tiên sẽ được lập theo một trong các loại sau:
    - Báo cáo kiểm toán loại “ý kiến chấp nhận từng phần” (hoặc “ý kiến ngoại trừ”)
    - Báo cáo kiểm toán loại “ý kiến từ chối” (hoặc “ý kiến không thể đưa ra ý kiến”)
  - Trường hợp số dư đầu năm có nhiều sai sót ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC năm nay thì KTV phải thông báo cho Giám đốc (hoặc người đứng đầu) đơn vị và sau khi được sự đồng ý của Giám đốc, thông báo cho KTV năm trước (nếu có).
  - Trường hợp số dư đầu năm có những sai sót ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC năm nay, nhưng đơn vị được kiểm toán không xử lý và không trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính thì kiểm toán viên đưa ra “ý kiến chấp nhận từng phần” hoặc “Ý kiến không chấp nhận”.
  - Trường hợp báo cáo kiểm toán năm trước không đưa ra “Ý kiến chấp nhận toàn phần”, thì KTV phải xem xét lý do dẫn đến ý kiến đó và ảnh hưởng của nó đến BCTC năm nay.
5. CÁC YẾU TỐ CẦN XEM XÉT KHI KIỂM TOÁN ĐƠN VỊ CÓ SỬ DỤNG DỊCH VỤ BÊN NGOÀI



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Một đơn vị có thể sử dụng dịch vụ do tổ chức hoặc cá nhân bên ngoài cung cấp, như dịch vụ ghi sổ kế toán, dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính, dịch vụ tin học.
- Một số chính sách, thủ tục và tài liệu của tổ chức dịch vụ có thể là hữu ích trong việc kiểm toán báo cáo tài chính của khách hàng nếu khách hàng sử dụng dịch vụ do tổ chức dịch vụ bên ngoài cung cấp.
- Tổ chức cung cấp dịch vụ: Là tổ chức được thành lập và hoạt động kinh doanh hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ cho các đơn vị, tổ chức khác trên cơ sở ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ.
- KTV xác định phạm vi của các dịch vụ do tổ chức bên ngoài cung cấp và ảnh hưởng của nó đối với công việc kiểm toán. KTV phải xem xét các yếu tố:
  - Tính chất của các dịch vụ do tổ chức bên ngoài cung cấp;
  - Điều kiện của hợp đồng và mối quan hệ giữa đơn vị sử dụng dịch vụ và tổ chức cung cấp dịch vụ;
  - Cơ sở dẫn liệu BCTC có tính trọng yếu chịu ảnh hưởng bởi việc sử dụng dịch vụ bên ngoài;
  - Rủi ro tiềm tàng liên quan đến những cơ sở dẫn liệu này;
  - Tác động qua lại giữa hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị sử dụng dịch vụ và của tổ chức cung cấp dịch vụ;
  - Các thủ tục kiểm soát nội bộ của đơn vị sử dụng dịch vụ đối với các giao dịch do tổ chức cung cấp dịch vụ xử lý;
  - Năng lực và khả năng về tài chính của tổ chức cung cấp dịch vụ, bao gồm cả những tác động có thể có nếu tổ chức này làm sai hoặc bị phá sản;
  - Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ như thông tin ghi trên hướng dẫn người sử dụng và hướng dẫn kỹ thuật;
  - Các thông tin có sẵn liên quan đến các kiểm soát chung và kiểm soát hệ thống tin học liên quan đến ứng dụng của đơn vị sử dụng dịch vụ.
- Nếu kiểm toán viên sử dụng báo cáo kiểm toán của tổ chức cung cấp dịch vụ thì phải xem xét năng lực chuyên môn của kiểm toán viên thực hiện dịch vụ đó có đáp ứng yêu cầu kiểm toán cho tổ chức cung cấp dịch vụ hay không.
- Trường hợp Công ty kiểm toán và kiểm toán viên sử dụng báo cáo kiểm toán của tổ chức cung cấp dịch vụ do Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác thực hiện thì phải xem xét tính chất và nội dung của báo cáo này.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Kiểm toán viên phải xem xét 2 vấn đề:
  - Những thử nghiệm kiểm toán mà Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác thực hiện cho tổ chức cung cấp dịch vụ có thích hợp đối với những giao dịch của đơn vị hay không (các cơ sở dẫn liệu trọng yếu trong báo cáo tài chính của khách hàng);
  - Việc kiểm toán viên của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm tra các thủ tục kiểm soát cũng như kết quả của chúng có thỏa đáng hay không. Đối với vấn đề này, có hai điều quan trọng cần tính đến là chu kỳ của các cuộc kiểm tra và khoảng thời gian đã qua của kiểm tra mới được thực hiện.

Công ty kiểm toán và kiểm toán viên có thể sử dụng báo cáo kiểm toán của tổ chức cung cấp dịch vụ nhưng không được đề cập đến bất kỳ thông tin nào về báo cáo kiểm toán của tổ chức cung cấp dịch vụ trong báo cáo kiểm toán của mình.

### 6. SỬ DỤNG TƯ LIỆU CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ: Là một bộ trong hệ thống kiểm soát nội bộ của một đơn vị, có chức năng kiểm tra, đánh giá tính phù hợp, hiệu quả, sự tuân thủ pháp luật và các quy định của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị đó.

Kiểm toán viên độc lập có thể sử dụng tư liệu của kiểm toán nội bộ để trợ giúp cho việc thực hiện kiểm toán BCTC, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm toàn bộ về nội dung, lịch trình, phạm vi kiểm toán cũng như ý kiến đưa ra về BCTC được kiểm toán.

Kiểm toán viên độc lập cần phải tìm hiểu đầy đủ về hoạt động của kiểm toán nội bộ trước khi sử dụng số liệu của kiểm toán nội bộ từ các khía cạnh:

- Vị trí của kiểm toán nội bộ trong cơ cấu tổ chức của đơn vị => tính độc lập, khách quan của kiểm toán nội bộ
- Chức năng của kiểm toán nội bộ
- Năng lực chuyên môn của kiểm toán viên nội bộ
- Hoạt động và hiệu quả của kiểm toán viên nội bộ không nằm tài chính trước.
- Tính độc lập, khách quan của kiểm toán nội bộ được đảm bảo khi kiểm toán nội bộ có quyền:
  - Báo cáo trực tiếp với cấp lãnh đạo cao nhất.
  - Không kiêm nhiệm những công việc liên quan đến hoạt động khác ngoài kiểm toán nội bộ, và

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Được trao đổi trực tiếp với kiểm toán viên độc lập
- Khi đánh giá và kiểm tra lại tư liệu của kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên độc lập phải xem xét các vấn đề sau:
  - Kiểm toán viên nội bộ có được đào tạo và có đủ kinh nghiệm chuyên môn hay không? Công việc kiểm toán nội bộ đã được giám sát, kiểm tra và ghi chép như thế nào?
  - Bằng chứng kiểm toán có được thu thập đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận của kiểm toán nội bộ hay không.
  - Kết luận của kiểm toán nội bộ có phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo lập ra có phù hợp với kết quả kiểm toán nội bộ hay không.
  - Những vấn đề đặc biệt và bất thường đã được kiểm toán viên nội bộ nêu ra có được xử lý đúng đắn hay không.

### 7. SỬ DỤNG TƯ LIỆU CỦA KIỂM TOÁN VIÊN KHÁC

- Kiểm toán viên chính: Là KTV chịu trách nhiệm kiểm toán BCTC và ký báo cáo kiểm toán của một đơn vị, trong đó có gộp thông tin tài chính của một hoặc nhiều đơn vị cấp dưới và đơn vị kinh tế khác do KTV khác thực hiện kiểm toán.
- Kiểm toán viên khác: Là KTV chịu trách nhiệm kiểm toán BCTC và ký báo cáo kiểm toán của đơn vị cấp dưới hoặc đơn vị kinh tế khác được gộp trong báo cáo tài chính của đơn vị cấp trên.
- Khi lập kế hoạch kiểm toán trong đó có dự kiến sử dụng tư liệu của kiểm toán viên khác, kiểm toán viên chính phải xem xét năng lực chuyên môn của Công ty kiểm toán và kiểm toán viên khác dựa trên bối cảnh công việc thực tế.
- Để xem xét năng lực chuyên môn của KTV khác, KTV chính phải căn cứ vào nguồn thông tin sau: tổ chức kiểm toán nơi KTV khác đăng ký hành nghề; những cộng sự của KTV khác; khách hàng hoặc những người có quan hệ công việc với KTV khác; hoặc qua các cuộc trao đổi trực tiếp với KTV khác.
- KTV chính cần phải thực hiện của thủ tục cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp chứng minh rằng các công việc do KTV khác thực hiện là phù hợp với công việc kiểm toán và mục đích của KTV chính trong từng cuộc kiểm toán cụ thể.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- KTV có thể thảo luận với KTV khác về các thủ tục kiểm toán đã được KTV khác thực hiện hoặc xem xét hồ sơ kiểm toán của KTV khác.
  - KTV chính cần thông báo cho kiểm toán viên khác về:
    - Yêu cầu về tính độc lập liên quan đến đơn vị cấp trên, các đơn vị cấp dưới, đơn vị kinh tế khác và thu thập bản giải trình về việc tuân thủ của yêu cầu đó.
    - Việc sử dụng tư liệu và báo cáo kiểm toán của KTV khác và sự phối hợp giữa hai bên ngay từ khi lập kế hoạch kiểm toán.
    - Những vấn đề cần đặc biệt quan tâm; những thủ tục xác định các nghiệp vụ giao dịch nội bộ cần được nêu ra trong bản thuyết minh; lịch trình thực hiện kiểm toán;
    - Những yêu cầu về kế toán, kiểm toán, lập báo cáo và thu thập bản giải trình việc tuân thủ các yêu cầu trên.
  - Khi KTV chính có đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp chứng minh các thủ tục kiểm toán đã được KTV khác thực hiện là thỏa đáng, bảo đảm chất lượng cuộc kiểm toán thì không cần thiết phải thực hiện các thủ tục.
  - Khi KTV chính kết luận là tư liệu của KTV khác không sử dụng được và KTV chính không thể tiến hành thêm của thủ tục kiểm toán bổ sung đối với BCTC của đơn vị cấp dưới và đơn vị kinh tế khác được KTV khác kiểm toán, nếu xét thấy có ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC được kiểm toán thì kiểm toán viên chính cần phải đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến từ chối đưa ra ý kiến vì bị giới hạn phạm vi kiểm toán.
  - Khi KTV chính dựa vào ý kiến KTV khác thì báo cáo kiểm toán của KTV chính phải nêu rõ điều này và nêu rõ giới hạn của báo cáo tài chính được kiểm toán bởi KTV khác.
  - Trường hợp kiểm toán viên khác đưa ra hoặc dự kiến đưa ra báo cáo kiểm toán sửa đổi, thì kiểm toán viên chính cần phải xem xét bản chất và mức độ ảnh hưởng của những sửa đổi đối với báo cáo tài chính do kiểm toán viên chính kiểm toán và từ đó có thể phải sửa đổi báo cáo kiểm toán của mình.
  - KTV chính khi kiểm toán BCTC của đơn vị cấp trên, trong đó bao gồm cả thông tin tài chính của đơn vị cấp dưới và đơn vị kinh tế khác phải chịu trách nhiệm về những rủi ro kiểm toán BCTC
8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KỲ KẾ TOÁN LẬP BCTC

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 8.1. KHÁI NIỆM

- Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập BCTC là những sự kiện có ảnh hưởng đến BCTC trong khoảng thời gian từ sau ngày khóa sổ kỳ kế toán mà BCTC lập để kiểm toán đến ngày ký báo cáo kiểm toán; và những sự kiện được phát hiện sau ngày báo cáo kiểm toán. Có 2 loại sự kiện xảy ra sau ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC:
  - Những sự kiện cung cấp thêm bằng chứng về các sự việc đã tồn tại vào ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC;
  - Những sự kiện cung cấp dấu hiệu về các sự việc đã phát sinh tiếp sau ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC;
- Ngày khóa sổ kỳ kế toán BCTC là ngày tính đến hết ngày cuối cùng của kỳ kế toán mà BCTC được lập ra, ví dụ: 24 giờ ngày 31/12 của niên độ kế toán năm thông thường.
- Ngày ký báo cáo tài chính là ngày, tháng, năm ghi trên BCTC và là ngày Giám đốc ký tên và đóng dấu BCTC của đơn vị được kiểm toán. Ngày ký BCTC phải sau ngày khóa sổ kỳ kế toán.
- Ngày ký báo cáo kiểm toán; là ngày, tháng, năm ghi trên báo cáo kiểm toán và ngày KTV và Công ty kiểm toán ký tên và đóng dấu của Công ty kiểm toán. Ngày ký báo cáo kiểm toán có thể là ngày thực ký báo cáo kiểm toán hoặc là ngày cuối cùng kết luận thúc công việc kiểm toán trên thực địa đơn vị được kiểm toán. Công ty kiểm toán phải tự quyết định ngày ký báo cáo kiểm toán, nhưng ngày ký báo cáo kiểm toán phải sau hoặc cùng ngày với ngày ký BCTC.
- Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC liên quan đến trách nhiệm của KTV gồm 3 sự kiện:
  - Các sự kiện phát sinh đến ngày ký báo cáo kiểm toán;
  - Các sự kiện được phát hiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán nhưng trước ngày công bố BCTC;
  - Các sự kiện được phát hiện sau ngày công bố BCTC.
- Vai trò của các sự kiện:
  - Khẳng định tính hoạt động liên tục có hiện hữu hay không;
  - khẳng định thêm về tính xác thực của các số liệu ghi nhận trên bảng cân đối kế toán;
  - Xác nhận về trách nhiệm của BGD và HDDN đối với hoạt động kinh doanh của DN được kiểm toán;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

### 8.2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH ĐẾN NGÀY KÝ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

- KTV cần thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tất cả những sự việc đã phát sinh đến ngày ký báo cáo kiểm toán không có ảnh hưởng đến BCTC;
- Trong trường hợp thấy có những sự kiện đặc biệt xảy ra sau ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC thì cần kiểm tra xem chúng đã được thể hiện trong BCTC hay chưa
  - Trong kỳ thấy có phát sinh tranh chấp kiện tụng => yêu cầu luật sư của DN cung cấp thêm thông tin
  - Tồn kho tăng vượt trội => xem xét kế hoạch kỳ kế tiếp, hoặc BC quản lý của Giám đốc
  - Trong kỳ có phương diện vụ cháy kho => xem xét thêm thông tin về khả năng bảo hiểm hỏa hoạn

### 8.3. CÁC SỰ KIỆN ĐƯỢC PHÁT HIỆN SAU NGÀY KÝ BÁO CÁO KIỂM TOÁN NHƯNG TRƯỚC NGÀY CÔNG BỐ BCTC

- Trường hợp KTV biết được có sự kiện có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến BCTC phát sinh sau ngày ký báo cáo kiểm toán nhưng trước ngày công bố BCTC, thì KTV phải cân nhắc xem có nên sửa lại BCTC và báo cáo kiểm toán hay không và phải thảo luận vấn đề này với Giám đốc của đơn vị được kiểm toán để có những biện pháp phù hợp trong từng trường hợp cụ thể.
- Trường hợp Giám đốc đơn vị được kiểm toán chấp nhận sửa đổi BCTC thì kiểm toán viên sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để cung cấp cho đơn vị được kiểm toán một báo cáo kiểm toán mới dựa trên BCTC đã được sửa đổi.
- Trường hợp KTV yêu cầu nhưng Giám đốc đơn vị được kiểm toán không chấp nhận sửa đổi BCTC.
  - Báo cáo kiểm toán chưa được gửi đến đơn vị được kiểm toán thì KTV và Công ty kiểm toán sẽ lập lại báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến không chấp nhận.
  - Báo cáo kiểm toán đã được gửi đến đơn vị kiểm toán, thì KTV phải yêu cầu người đứng đầu đơn vị được kiểm toán không công bố BCTC và báo cáo kiểm toán cho bên thứ ba. Nếu đơn vị vẫn quyết định công bố các báo cáo này, thì KTV phải áp dụng những biện pháp thích hợp để ngăn chặn

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

các bên thứ ba sử dụng báo cáo kiểm toán của mình => đặc biệt cần lưu ý đối với DN được kiểm toán phát hành chứng khoán ra công chúng.

### 8.4. CÁC SỰ KIỆN ĐƯỢC PHÁT HIỆN SAU NGÀY CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Sau ngày công bố BCTC và báo cáo kiểm toán nếu KTV phát hiện thấy vẫn còn sự kiện xảy ra đến ngày ký báo cáo kiểm toán cần phải sửa đổi báo cáo kiểm toán, thì KTV phải cân nhắc xem có nên sửa lại BCTC và báo cáo kiểm toán hay không; phải thảo luận vấn đề này với Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán và có những biện pháp thích hợp tùy theo từng trường hợp cụ thể.
- Trường hợp GD đơn vị được kiểm toán chấp nhận sửa đổi BCTC thì KTV phải thực hiện những thủ tục cần thiết nhằm bảo đảm vấn đề này đã được thông báo đến các bên nhận BCTC và báo cáo kiểm toán đã công bố, đồng thời KTV và Công ty kiểm toán phải công bố một báo cáo kiểm toán mới căn cứ trên BCTC đã sửa đổi.
- Trong báo cáo kiểm toán mới phải có đoạn giải thích nguyên nhân phải sửa đổi BCTC và báo cáo kiểm toán đã được công bố.
- Trường hợp KTV yêu cầu nhưng Giám đốc đơn vị được kiểm toán không chấp nhận sửa đổi BCTC;
  - Báo cáo kiểm toán chưa được gửi đến đơn vị được kiểm toán thì KTV và Công ty kiểm toán sẽ lập lại báo cáo kiểm toán với ý kiến chấp nhận từng phần hoặc ý kiến không chấp nhận.
  - Báo cáo kiểm toán đã được gửi đến đơn vị được kiểm toán, thì KTV phải yêu cầu người đứng đầu đơn vị được kiểm toán không công bố BCTC và báo cáo kiểm toán cho bên thứ ba. Nếu đơn vị vẫn quyết định công bố các báo cáo này, thì KTV phải áp dụng những biện pháp thích hợp để ngăn chặn các bên thứ ba sử dụng báo cáo kiểm toán của mình.
- Trường hợp BCTC của năm tài chính tiếp theo đang được Công ty kiểm toán tiếp tục kiểm toán và sắp được công bố thì có thể không cần phải sửa đổi BCTC và báo cáo kiểm toán cho năm tài chính trước với điều kiện là phải trình bày rõ trong phần TMBCTC của năm tài chính tiếp theo sự kiện được phát hiện.

Các sự kiện cần chỉnh sửa BCTC chỉ khi chúng là sự kiện trọng yếu. Ví dụ: ND góp vốn bị tịch biên TS; tồn kho bị mất một số lượng lớn;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Che giấu một khoản chi phí lớn để tạo ra lợi nhuận; tồn đọng một số lượng đáng kể hàng kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ cũng như sử dụng; bị phạt với số tiền lớn; nợ phải thu khó đòi lớn

### 9. KIỂM TOÁN BC KẾT QUẢ KINH DOANH

Kết quả kinh doanh = Doanh thu – Chi phí

#### 9.1. KIỂM TOÁN DOANH THU

- Thử nghiệm kiểm soát để hiểu về qui trình bán hàng của DN.
  - Kiểm tra hóa đơn, hợp đồng bán hàng/cung cấp dịch vụ
  - Kiểm tra lấy mẫu bộ chứng từ liên quan bán hàng hóa/nguyên vật liệu có liên quan
- Kiểm tra lấy mẫu bộ chứng từ liên quan bán hàng, đặc biệt trong trường hợp XK
- Kiểm tra sự tuân thủ trong ghi nhận Dthu với chế độ kế toán lựa chọn
  - Kiểm tra thời điểm ghi nhận Dthu
  - Kiểm tra cách xác định Dthu trong kỳ
  - Kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ SP dài hạn, đặc biệt trong xây lắp.
- Kiểm tra xem Dthu có bị kê thêm hay giấu bớt không?
  - Kiểm tra lấy mẫu tỉ giá, đơn giá bán hàng hóa SP
  - Kiểm tra các trường hợp bán chịu
  - Kiểm tra lấy mẫu việc ghi nhận Dthu TM
  - So sánh Dthu ghi sổ với Dthu báo cáo thuế với khả năng cung cấp hàng hóa dịch vụ trong liên hệ với nhập xuất tồn kho, lao động v.v.
  - Kiểm tra các khoản Dthu phát sinh đầu kỳ kế toán kế tiếp và cuối kỳ kế toán trước xem có khả năng thổi phồng hoặc giấu bớt Dthu.

#### 9.2. KIỂM TOÁN TỔNG CHI PHÍ TRONG KỲ KẾ TOÁN

- Kiểm tra các phương pháp xác định CP, phân bổ CP được tính cho kỳ kế toán có phù hợp với cơ sở kế toán áp dụng không?
  - Trên cơ sở phù hợp giữ Dthu và CP
  - Trên cơ sở thu chi TM
- Kiểm tra lấy mẫu qui trình mua hàng



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Kiểm tra bộ chứng từ vận đơn đối với hàng NK
- Kiểm tra phương pháp xác định giá vốn hàng bán trong kỳ
- Kiểm tra phương pháp tính khấu hao, phân bổ CP trả trước dài hạn
- Xác định và kiểm tra những khoản mục CP trọng yếu đối với DN và kỳ kế toán như :
  - Chi phí mua NVL, vật tư hàng hóa
  - Chi phí tiền lương
  - CP khấu hao TSCĐ
  - CP dịch vụ mua ngoài
  - Kiểm tra các mức CP dựa theo chế độ lương, định mức tiêu hao vật tư, tỉ lệ hoa hồng, giảm giá.

### 9.3. KIỂM TOÁN CHỈ TIÊU LÃI LỖ

- Vấn đề cần lưu ý:
  - Lãi / lỗ thực tế của DN
  - Lãi / lỗ xét theo quan điểm thuế
- Đối tượng của kiểm toán BCTC là xác nhận mức lãi/lỗ thực tế của Dn dựa trên quan niệm, các khoảng chi phí được chấp nhận là hợp lý hợp lệ về phương diện kế toán tài chính khi các khoản chi phí đó phù hợp với các định chế tài chính của Dn.

Ví dụ: khoản chi phí giao dịch bên ngoài của Công ty Cp X đã được HĐQT phê duyệt, chỉ có phiếu chi nội bộ, không có hóa đơn tài chính

- Để hạn chế rủi ro trong kiểm toán kết quả KD của DN ghi nhận trên BCTC, KTV cần xem xét từ cả hai góc độ, hợp lý hợp lệ về phương diện kế toán và hợp lý hợp lệ về phương diện thuế.
- Nếu kết quả kinh doanh được xác nhận chỉ dựa trên các khoản chi phí đủ hóa đơn tài chính thì thực chất đã thổi phồng chỉ tiêu kết quả.
- Rủi ro có trong kiểm toán kết quả kinh doanh bao gồm :
  - Rủi ro vốn có trong kiểm toán Dthu và chi phí
  - Rủi ro vốn có trong khâu duyệt quyết toán thuế. Rủi ro này khá cao trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

### 10. KIỂM TOÁN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

Các khoản mục và sự kiện phổ biến không kiểm toán BGĐKT thường gồm:

- Hàng tồn kho;
- Tài sản cố định
- Tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi NH
- Các khoản phải thu – phải trả;
- Vốn góp của chủ sở hữu
- Số dư đầu kỳ mang sang

### 10.1. KIỂM TOÁN HÀNG TỒN KHO

- Đơn vị được kiểm toán phải thiết lập các thủ tục kiểm kê và thực hiện kiểm kê hiện vật hàng tồn kho ít nhất mỗi năm một lần làm cơ sở kiểm tra độ tin cậy của hệ thống kê khai thường xuyên và lập BCTC.
- Để khẳng định được tính hiện hữu của tồn kho và để thu thập bằng chứng về sự tuân thủ các thủ tục kiểm kê cũng như kiểm tra độ tin cậy của các thủ tục này, khi đơn vị thực hiện kiểm kê, KTV cần giám sát hoặc có thể tham gia trực tiếp kiểm kê chọn mẫu hàng tồn kho.
- KTV không được lạm dụng việc nêu ý kiến loại trừ hàng tồn kho trong báo cáo kiểm toán BCTC để né tránh việc tham gia kiểm kê hoặc kiểm kê chọn mẫu khi giai đoạn kiểm toán cách không xa thời gian thực hiện kiểm toán.
- Trường hợp KTV không thể tham gia kiểm kê hiện vật vào ngày đơn vị thực hiện kiểm kê:
  - Phải tham gia kiểm kê lại một số mặt hàng vào thời điểm khác, và khi cần thiết, phải kiểm tra biến động hàng tồn kho trong khoảng thời gian giữa thời điểm kiểm kê lại và thời điểm đơn vị thực hiện kiểm kê.
  - KTV phải xác định xem mình có thể thực hiện các thủ tục kiểm tra thay thế nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về sự hiện hữu và tình trạng của hàng tồn kho, để tránh phải đưa ra ý kiến ngoại trừ
- Kiểm toán viên phải soát xét các quy định của đơn vị được kiểm toán về kiểm kê hàng tồn kho:
  - Việc áp dụng các thủ tục kiểm soát, như soát xét phương pháp cân, đo, đếm, nhập, xuất hàng tồn kho; thủ tục ghi chép sổ kho, thẻ kho, việc ghi chép phiếu kiểm kê;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Việc xác định sản phẩm dở dang, hàng chậm luân chuyển, lỗi thời, hoặc bị hư hại, hàng gửi đi gia công, hàng gửi đại lý, ký gửi, hàng nhận gia công, hàng nhận bán đại lý...
- Việc xác định các thủ tục thích hợp liên quan đến hàng lưu chuyển nội bộ, hàng nhập, xuất trước và sau ngày kiểm kê.
- Trường hợp hàng tồn kho được bên thứ ba kiểm soát hoặc bảo quản thì KTV phải yêu cầu bên thứ ba xác nhận trực tiếp về số lượng và tình trạng của hàng tồn kho mà bên thứ ba đang giữ hộ cho đơn vị. Tùy theo mức độ trọng yếu của hàng tồn kho này, kiểm toán viên cần phải xem xét các nhân tố sau:
  - Tính chính trực và độc lập của bên thứ ba;
  - Sự cần thiết phải trực tiếp tham gia kiểm kê hoặc để kiểm toán viên hoặc Công ty kiểm toán khác tham gia kiểm kê;
  - Sự cần thiết phải có báo cáo của kiểm toán viên khác về tính thích hợp của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên thứ ba để có thể đảm bảo công việc kiểm toán là đúng đắn và hàng tồn kho được giữ gìn cẩn thận;
  - Sự cần thiết phải kiểm tra các tài liệu liên quan đến hàng tồn kho do bên thứ ba giữ; ví dụ: Phiếu nhập kho, hoặc được bên khác xác nhận hiện đang giữ cầm cố các tài liệu này.

### 10.2. KIỂM TOÁN SỐ DƯ TSCĐ

- Đơn vị được kiểm toán phải thiết lập các thủ tục kiểm kê và thực hiện kiểm kê TSCĐ ít nhất mỗi năm một lần làm cơ sở kiểm tra độ tin cậy cho việc lập BCTC.
- Đơn vị được kiểm toán cần phải cung cấp cho KTV danh sách TSCĐ hiện có, Bảng kê TSCĐ tăng giảm trong năm và Bảng tính KHTSCĐ.
- KTV cần kiểm tra chọn mẫu để khẳng định sự chính xác trong các tính toán xác định nguyên giá TSCĐ mới gia tăng và tính KH TSCĐ
- KTV cần kiểm tra các thủ tục mua sắm TSCĐ, thủ tục thanh lý – nhượng bán TSCĐ để chắc chắn rằng không có sự thông đồng trong việc kê khai tăng giá mua hoặc giảm giá thanh lý TSCĐ
- KTV cần tiến hành thủ tục kiểm kê chọn mẫu đối với TSCĐ tăng trong kỳ
- Những chứng từ cần rà soát liên quan đến tăng giảm TSCĐ bao gồm:
  - Hợp đồng mua bán TSCĐ và hóa đơn có liên quan

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Các chứng từ liên quan đến thủ tục nhận – bàn giao TSCĐ
- Các chứng từ liên quan đến thanh toán mua – bán TSCĐ
- KTV cần đối chiếu số dư TSCĐ ghi nhận trên BCDKT với tổng nguyên giá TSCĐ trong bảng kê/đăng ký TSCĐ
- KTV cần đối chiếu số dư KHTSCĐ trên BCDKT với số KH lũy kế trên bảng tính KHTSCĐ.

### 10.3. KIỂM TOÁN VỐN BẰNG TIỀN

- Các khoản mục vốn bằng tiền trên BCDKT bao gồm :
  - Tiền mặt tại đây
  - Tiền gửi tại ngân hàng
  - Tiền đang chuyển
- KTV cần kiểm tra quy định ghi sổ quỹ, thanh toán qua NH. Duyệt mua – bán hàng hóa vật tư để đánh giá mức độ rủi ro kiểm soát của đơn vị được kiểm toán.
- KTV cần lấy mẫu để xác định sự chính xác trong ghi sổ quỹ và để phát hiện các khoản chi trùng lặp
- KTV cần lấy xác nhận số dư các TK tiền gửi NH của đơn vị và đối chiếu số phụ NH với các hoá đơn mua – bán hàng và các chứng từ có liên quan
- KTV cần đối chiếu tổng số phát sinh trong kỳ kế toán trên bảng cân đối tài khoản – sổ NH của đơn vị với số tổng cộng trên sao kê – sổ phụ NH do NH cung cấp
- KTV cần đối chiếu các hạn mức duyệt chi TM – NH được quy định trong định chế tài chính nội bộ đơn vị được kiểm toán với thực tế duyệt chi hoặc tạm ứng bằng TM

### 10.4. KIỂM TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU – PHẢI TRẢ

- Các khoản nợ phải thu liên quan đến sự kê khai chính xác doanh thu
- Các khoản nợ phải trả liên quan đến sự kê khai chính xác CP
- Các khoản phải thu – phải trả liên quan đến trạng thái tài chính của DN trong tương lai gần, đặc biệt khả năng thanh toán

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Sự xác nhận trực tiếp số dư phải thu – phải trả sẽ cung cấp bằng chứng kiểm toán đáng tin cậy về sự hiện diện của các khoản nợ và tính chính xác của các số dư. Tuy nhiên, sự xác nhận này thông thường chưa cung cấp đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi các khoản phải thu vì có thể còn các khoản phải thu khác được hạch toán.
- KTV có thể chọn ra các khoản nợ phải thu – phải trả cần xác nhận để bảo đảm sự hiện hữu và tính chính xác của các khoản nợ trong tổng thể, trong đó có tính đến các tác động ảnh hưởng đến rủi ro kiểm toán đã được xác định và các thủ tục kiểm toán dự kiến khác.
- Trường hợp KTV thấy các khách nợ không phúc đáp thư xác nhận số dư các khoản phải thu phải trả thì phải dự kiến các thủ tục thay thế như kiểm tra các tài liệu hình thành số dư; kiểm tra hóa đơn bán hàng – mua hàng và các phiếu thu tiền – chi tiền của khoản nợ không nhận được thư phúc đáp.

### 10.5. KIỂM TOÁN VỐN GÓP CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU DN

- Thủ tục kiểm toán thường bao gồm việc kiểm tra BCTC và các thông tin khác có liên quan, như xác định và so sánh giá chứng khoán trên thị trường với giá ghi sổ của các khoản đầu tư dài hạn đến ngày ký báo cáo kiểm toán.
- Nếu giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ thì KTV phải xét đến sự cần thiết phải lập dự phòng giảm giá. Nếu xét thấy có nghi ngờ về khả năng thu hồi khoản đầu tư thì KTV phải xem xét đến các điều chỉnh và thuyết minh thích hợp trình bày trong BCTC.

### 11. KIỂM TOÁN THUYẾT MINH BCTC

- TNBCTC là một phần quan trọng trong BCTC
  - Cung cấp thêm các thông tin đặc biệt về đơn vị được kiểm toán
  - Chú giải các chi tiết liên quan đến các khoản mục – chỉ tiêu được công bố trong BCĐKT và báo cáo KQKD
  - Đánh giá tổng quát về trạng thái tài chính của báo cáo được kiểm toán
- KTV cần kiểm tra tính phù hợp của TMBCTC với BCĐKT và báo cáo KQKD:
  - Các số dư như tiền mặt, nợ phải thu phải trả, các nghĩa vụ thuế, tồn kho v.v...
  - Tổng các khoản mục CP, TSCĐ

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Những sự kiện đặc biệt trong TMBCTC cần được kiểm tra :
  - Sự thay đổi chế độ – chính sách kế toán đang áp dụng
  - Các điều chỉnh phát sinh trong kiểm toán liên quan đến kỳ kiểm toán trước đó là đã được trình bày hay chưa?
  - Vấn đề góp vốn, các giao dịch với Công ty liên kết, với Công ty mẹ – con
  - Các vấn đề tranh chấp, kiện tụng

### 12. TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA KTV VÀ CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

- KTV và doanh nghiệp kiểm toán chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước đơn vị được kiểm toán về ý kiến kiểm toán của mình.
- KTV có thể bị phạt vì không thận trọng trong việc nêu ý kiến của mình trong báo cáo kiểm toán
- KTV có thể bị truy cứu hình sự khi đã giúp đỡ hay xúi giục ban lãnh đạo DN được kiểm toán công bố những báo cáo gian lận để lừa dối các cổ đông hoặc người cho vay.
- KTV sẽ không bị buộc tội hình sự nếu họ không cố tình lợi dụng quyền hạn của mình tham gia vào những âm mưu gian lận trong kiểm toán BCTC

(Lưu ý: KTV cần thu thập và lưu trữ đủ những bằng chứng kiểm toán liên quan đến ý kiến của mình nêu trong báo cáo kiểm toán.)

- KTV và Công ty kiểm toán có thể bị bồi thường cho khách hàng nếu đã phạm những sai sót trong việc nêu ý kiến của mình trong báo cáo kiểm toán đã gây thiệt hại cho khách hàng hoặc những người sử dụng báo cáo kiểm toán BCTC

(Lưu ý: Chỉ bị bồi thường khi đơn vị được kiểm toán/người sử dụng BC đã kiểm toán thực sự bị tổn thất về mặt kinh tế.)

- KTV không chịu trách nhiệm về sự gian lận cố tình hoặc sai sót có chủ ý của Ban lãnh đạo đơn vị được kiểm toán khi được cung cấp những bằng chứng giả hoặc hoá đơn giả
- KTV không chịu trách nhiệm về việc không phát hiện được những chứng từ kế toán giả hoặc hóa đơn giả mà đơn vị kiểm toán cung cấp cho họ.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

(Lưu ý: KTV cần phải cố gắng vận dụng các kiến thức và kinh nghiệm nghề nghiệp để phát hiện các gian lận có thể xảy ra.)

### CÂU HỎI CHƯƠNG 3

1. Nêu tóm tắt qui trình kiểm toán
2. Báo cáo tài chính là gì? Nêu mục tiêu kiểm toán BCTC
3. KTV cần làm gì khi phát hiện sự không tuân thủ pháp luật trong BCTC
4. KTV cần chú ý những vấn đề gì khi kiểm toán năm đầu tiên?
5. KTV cần xem xét những yếu tố nào khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài liên quan đến kế toán?
6. KTV cần xem xét những vấn đề gì trước khi sử dụng tư liệu của kiểm toán nội bộ
7. Nêu các loại sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kỳ kế toán lập BCTC
8. Nêu những chỉ tiêu phát sinh và những rủi ro tiềm tàng trong kiểm toán báo cáo KQKD
9. Nêu những khoản mục chính và rủi ro tiềm tàng trong kiểm toán BCDKT
10. Nêu những khoản mục phổ biến và những rủi ro tiềm tàng trong
11. Nêu trách nhiệm pháp lý của KTV và Công ty kiểm toán đối với BCTC đã kiểm toán.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

CHƯƠNG 4

**KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN  
VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH**

**1. CÁC THUẬT NGỮ**

- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư: Là hệ thống các báo cáo được lập theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, quy chế quản lý đầu tư hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính và các thông tin quan trọng khác trong quá trình đầu tư và thực hiện dự án.
- Bao gồm: báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản hoàn thành; báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án quy hoạch hoàn thành và báo cáo quyết toán vốn đầu tư các dự án khác.
- Vốn đầu tư được quyết toán: Là toàn bộ chi phí hợp pháp đã thực hiện trong quá trình đầu tư để đưa dự án vào sử dụng
- Chi phí hợp pháp là của chi phí được thực hiện đúng với hồ sơ thiết kế – dự toán đã phê duyệt, đảm bảo đúng quy chuẩn, định mức, đơn giá, chế độ tài chính – kế toán, hợp đồng kinh tế đã ký kết và những quy định của Nhà nước có liên quan, thường phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh

**2. MỤC TIÊU CỦA KIỂM TOÁN**

- Mục tiêu của kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là xác nhận bởi KTV và Công ty kiểm toán về việc báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành có được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và quy định về quyết toán vốn đầu tư hiện hành hay không, có tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan về quản lý đầu tư XD và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình và kết quả đầu tư hay không ?
- Ý kiến của KTV và Công ty kiểm toán làm tăng thêm sự tin cậy của báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán xem xét phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

**3. TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BC QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Giám đốc đơn vị được kiểm toán chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, quy định hiện hành về quyết toán vốn đầu tư và các quy định pháp lý có liên quan.
- Giám đốc đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo quy định hiện hành, các tài liệu có liên quan khác kể cả biên bản kiểm tra, thanh tra (nếu có) cho KTV để thực hiện kiểm toán và chịu trách nhiệm về sự trung thực, chính xác, kịp thời đối với các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho KTV
- Trường hợp đơn vị được kiểm toán chưa chuẩn bị đầy đủ hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành thì được thuê kiểm toán viên cung cấp dịch vụ “Tư vấn hoàn thiện hồ sơ báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành” như một hợp đồng riêng, ngoại trừ các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách, KTV và Công ty vốn đầu tư hoàn thành thì khác được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
- KTV và Công ty kiểm toán chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, hồ sơ quyết toán vốn đầu tư và trình bày ý kiến của mình về kết quả kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.
- Việc kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Giám đốc (người đứng đầu) đơn vị được kiểm toán đối với báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

#### 4. GIAO NHẬN HỒ SƠ BÁO CÁO QUYẾT TOÁN

Trước khi thực hiện kiểm toán, KTV phải yêu cầu đơn vị được kiểm toán cung cấp toàn bộ hồ sơ báo cáo quyết toán. Khi giao nhận hồ sơ báo cáo quyết toán. KTV và đơn vị được kiểm toán phải lập biên bản giao nhận hồ sơ để lưu vào hồ sơ kiểm toán sau này. Hồ sơ báo cáo quyết toán của dự án thực hiện theo quy định hiện hành, ví dụ gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán;
- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư;
- Các văn bản pháp lý có liên quan đến dự án, công trình;
- Các hợp đồng kinh tế, các biên bản thanh lý hợp đồng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu, các cá nhân, đơn vị tham gia thực hiện dự án;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Các biên bản nghiệm thu giai đoạn, biên bản tổng nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành các gói thầu trong dự án;
  - Các hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến dự án: Hồ sơ thiết kế, dự toán thiết kế, dự toán bổ sung, hồ sơ đấu thầu, hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công...
5. NỘI DUNG KIỂM TRA BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH
- Các nội dung kiểm tra chủ yếu gồm:
    - Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án đầu tư
    - Kiểm tra nguồn vốn đầu tư
    - Kiểm tra chi phí đầu tư
    - Kiểm tra giá trị tài sản bàn giao
    - Kiểm tra tình hình công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng.
  - Kiểm tra hồ sơ pháp lý của dự án đầu tư
    - Kiểm tra, đối chiếu danh mục các văn bản quyết định đầu tư dự án và các văn bản pháp lý đã thực hiện trong quá trình đầu tư xây dựng dự án so với quy định của Nhà nước;
    - Kiểm tra tính pháp lý của các văn bản liên quan đến dự án về: Trình tự lập và duyệt văn bản, nội dung văn bản, thẩm quyền phê duyệt văn bản;
    - Kiểm tra tính pháp lý và việc thực hiện quy chế đấu thầu, hợp đồng kinh tế giữa chủ đầu tư ký với các nhà thầu tư vấn xây dựng, cung cấp và lắp đặt thiết bị.
  - Kiểm tra nguồn vốn đầu tư
    - Kiểm tra, đối chiếu cơ cấu và số vốn đầu tư thực hiện đã thanh toán theo từng nguồn vốn qua từng năm so với số được duyệt;
    - Kiểm tra sự phù hợp giữa thực tế sử dụng nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu nguồn vốn đầu tư xác định trong quyết định đầu tư;
    - Kiểm tra việc điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư của dự án có chấp hành đúng chế độ và thẩm quyền quy định không.
    - Sau khi kiểm tra các nguồn vốn đầu tư của dự án đầu tư, kiểm toán viên phải đưa ra nhận xét về việc cấp phát, thanh toán, cho vay và sử dụng các nguồn vốn của dự án.
  - Kiểm tra chi phí đầu tư
    - Kiểm tra chi phí XD công trình và chi phí lắp đặt thiết bị về các mặt: Giá trị khối lượng quyết toán so với dự toán được duyệt, biên bản nghiệm thu,

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

bản vẽ hoàn công, biên bản phát sinh, việc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong việc áp dụng đơn giá, định mức, hệ số trượt giá, phụ phí; Tuân thủ các quy định của Nhà nước trong việc lựa chọn nhà thầu; Việc sử dụng chủng loại: Vật liệu phù hợp với thiết kế, dự toán, hồ sơ mời thầu, hồ sơ trúng thầu;

- Kiểm tra chi phí thiết bị về các mặt: giá trị, khối lượng thiết bị quyết toán phù hợp với hợp đồng mua sắm, hóa đơn, chứng từ, thực tế thi công. Các chi phí có liên quan như vận chuyển, hóa đơn, chứng từ và các quy định của Nhà nước; Tuân thủ các quy định trong việc lựa chọn nhà cung cấp.
- Kiểm tra chi phí khác về các mặt: Giá trị quyết toán chi phí khác phù hợp với dự toán được duyệt; phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Tuân thủ các quy định của Nhà nước trong việc lựa chọn nhà thầu...

### ▪ Lưu ý:

- Đối với phần xây dựng và lắp đặt theo phương thức đấu thầu, giá được chọn làm cơ sở để kiểm tra là giá thắng thầu
- Đối với phần XD và lắp đặt phát sinh ngoài/không theo phương thức đấu thầu, giá thực hiện là giá do ban vật giá khu vực ban hành hoặc giá thị trường.

### ▪ Kiểm tra chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản bàn giao.

- Kiểm tra các khoản chi phí chủ đầu tư đề nghị không tính vào giá trị tài sản bàn giao theo chế độ hiện hành của nhà nước về các mặt: Nội dung chi phí, nguyên nhân và căn cứ đề nghị không tính vào giá trị tài sản bàn giao, thẩm quyền của cấp cho phép không tính vào giá trị tài sản bàn giao;
- Kiểm tra chi phí thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng được phép không tính vào giá trị tài sản bàn giao về các mặt: Nội dung và giá trị thiệt hại theo các biên bản xác nhận, mức độ bồi thường của Công ty bảo hiểm để giảm chi phí (trong trường hợp dự án đã mua bảo hiểm).
- Kiểm tra chi phí thiệt hại được cấp có thẩm quyền quyết định hủy bỏ, cho phép không tính vào giá trị bàn giao về các mặt: Nội dung, giá trị thiệt hại thực tế so với quyết định của cấp có thẩm quyền, thẩm quyền của cấp cho phép không tính vào giá trị tài sản bàn giao.

### ▪ Kiểm tra giá trị tài sản bàn giao.

- Kiểm tra danh mục và giá trị tài sản bàn giao, bao gồm cả tài sản cố định và tài sản lưu động, cho các đối tượng quản lý theo các biên bản bàn giao;
- Kiểm tra việc phân bổ các chi phí khác cho từng tài sản;

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Kiểm tra chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định và tài sản lưu động;
- Kiểm tra việc quy đổi giá trị tài sản bàn giao về mặt bằng giá thời điểm bàn giao theo hướng dẫn của Bộ xây dựng trong trường hợp dự án phải quy đổi vốn đầu tư.
- Kiểm tra tình hình công nợ và vật tư, thiết bị tồn đọng;
  - Kiểm tra tổng số vốn đã thanh toán cho từng nhà thầu theo từng hạng mục và khoản mục chi phí. Trên cơ sở đó xác định danh sách các khoản tiền mặt, tiền gửi, các khoản tiền thu được chưa nộp vào ngân sách Nhà nước;
  - Kiểm tra xác định số lượng, giá trị vật tư thiết bị còn tồn đọng;
  - Kiểm tra xác định số lượng, giá trị còn lại các tài sản của Ban quản lý dự án.

### 6. BÁO CÁO KIỂM TOÁN BC QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

- BC được sử dụng cũng gồm 4 loại : chấp nhận toàn phần; chấp nhận có loại trừ: Từ chối nêu ý kiến, không chấp nhận
- Ngoài các yếu tố thông thường của một BC kiểm toán, báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành còn bao gồm các nội dung đặc thù sau:
  - Căn cứ pháp lý và hồ sơ quyết toán vốn đầu tư;
  - Kết quả kiểm toán có liên quan đến số liệu theo báo cáo quyết toán, số liệu kết quả kiểm toán vốn đầu tư;
  - Các kiến nghị của kiểm toán viên đối với chủ đầu tư và các bên liên quan đến số liệu quyết toán vốn đầu tư.
- Trường hợp KTV đưa ra số liệu điều chỉnh nhưng không được đơn vị chấp nhận hoặc chấp nhận nhưng không điều chỉnh số liệu báo cáo quyết toán vốn đầu tư sau khi kiểm toán thì KTV cũng phải lập bảng Phụ lục kèm theo hoặc ghi rõ trong báo cáo kiểm toán.
- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số liệu quyết toán của đơn vị đưa ra trước khi kiểm toán với số liệu quyết toán sau khi điều chỉnh theo đề nghị của KTV thì phải lập bảng Phụ lục chi tiết chênh lệch và nguyên nhân chênh lệch kèm theo.

### 7. RỦI RO TIỀM TÀNG TRONG KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Khối lượng các hạng mục tính gộp nhiều và bản vẽ thi công phức tạp dễ tạo ra sai sót trong tính toán khó phát hiện.
- Nhiều hạng mục trong HD sau khi hoàn thành rất khó kiểm tra được khối lượng những phần chìm
- Kiểm toán về cơ bản dựa trên bản vẽ trên giấy khó phát hiện được sự sai khác giữa bản vẽ thiết kế và thực tế thi công
- KTV hầu như không có kinh nghiệm và kiến thức về thiết kế và XD nên tính độc lập khách quan trong kiểm toán có bị hạn chế

(Lưu ý: chỉ là kiểm tra về các thủ tục XD CB, giá cả sử dụng và sự tính toán trong bảng quyết toán.)

### CÂU HỎI CHƯƠNG 4

1. Mục tiêu kiểm toán BC quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
2. Nêu những nội dung chính trong khi BC quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
3. Trách nhiệm đối với báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của đơn vị được kiểm toán và của KTV
4. Nêu đặc điểm trong báo cáo kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

**MỤC LỤC**

CHƯƠNG I	: GIỚI THIỆU MÔN KIỂM TOÁN .....	3
CHƯƠNG II	: NHỮNG KHÁI NIỆM CHÍNH TRONG KIỂM TOÁN .....	12
CHƯƠNG III	: KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	49
CHƯƠNG IV	: KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH .....	77